

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ  
XÂY DỰNG ĐẶC TẢ  
ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ  
MÔN NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC, MĨ THUẬT)**

**Hà Nội, năm 2021**

## MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
I	Phần I. Những vấn đề chung về kiểm tra đánh giá	4
1	Ma trận đề kiểm tra	4
2	Bản đặc tả đề kiểm tra	5
3	Một số lưu ý đối với việc viết câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn và tự luận	7
II	Phần II. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả, tiêu chí đánh giá định kỳ môn Nghệ thuật	18
<b>A. NỘI DUNG ÂM NHẠC</b>		18
1	Nguyên tắc chung	18
2	Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra định kì	18
3	Xác định mức độ đánh giá các mạch nội dung	19
4	Giới thiệu bản đặc tả nội dung Âm nhạc cấp THCS	37
<b>B. NỘI DUNG MĨ THUẬT</b>		43
1	Định hướng chung về kiểm tra, đánh giá trong chương trình môn Mĩ thuật 2018	43
2	Xây dựng đặc tả mức độ, tiêu chí đánh giá và đề kiểm tra định kì môn Mĩ thuật cấp THCS	44
3	Xây dựng tiêu chí đánh giá kiểm tra định kì	57
4	Hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí kiểm tra định kì	60
5	Xây dựng đề kiểm tra, hướng dẫn đánh giá kết quả	62
III	Phần III. Một số đặc tả, đề kiểm tra định kì và tiêu chí, hướng dẫn đánh giá, xếp loại	67
<b>A. NỘI DUNG ÂM NHẠC</b>		67
1	Tiêu chí đánh giá định kì	67
2	Minh họa một số đề kiểm tra định kì nội dung Âm nhạc	71
<b>B. NỘI DUNG MĨ THUẬT</b>		75
1	Ví dụ đặc tả mức độ đánh giá, đề kiểm tra định kì và tiêu chí, hướng dẫn đánh giá, xếp loại lớp 6	75

2	Ví dụ đặc tả mức độ đánh giá, đề kiểm tra định kì và tiêu chí hướng dẫn đánh giá, xếp loại lớp 9	77
Tài liệu tham khảo		80

<b>Các từ viết tắt</b>	<b>Viết đầy đủ</b>
CT	Chương trình
ĐHSP	Đại học sư phạm
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GĐTrH	Giáo dục Trung học
GDPT	Giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
TT	Thông tư
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông

## Phần I

### NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

#### 1. Ma trận đề kiểm tra

##### *a. Khái niệm ma trận đề kiểm tra*

- Ma trận đề kiểm tra là bản thiết kế đề kiểm tra chứa đựng những thông tin về cấu trúc cơ bản của đề kiểm tra như: thời lượng, số câu hỏi, dạng thức câu hỏi; lĩnh vực kiến thức, cấp độ năng lực của từng câu hỏi, thuộc tính các câu hỏi ở từng vị trí...

- Ma trận đề kiểm tra cho phép tạo ra nhiều đề kiểm tra có chất lượng tương đương.

- Có nhiều phiên bản Ma trận đề kiểm tra. Mức độ chi tiết của các ma trận này phụ thuộc vào mục đích và đối tượng sử dụng.

##### *b. Cấu trúc một bảng ma trận đề kiểm tra*

Cấu trúc 1 bảng ma trận đề kiểm tra gồm các thông tin như sau:

Tên Bảng ma trận- Ký hiệu (nếu cần)

- Cấu trúc từng phần (Prompt Attributes)

+ Cấu trúc và tỷ trọng từng phần

+ Các câu hỏi trong đề kiểm tra (items)

- ✓ Dạng thức câu hỏi
- ✓ Lĩnh vực kiến thức
- ✓ Cấp độ/thang năng lực đánh giá
- ✓ Thời gian làm dự kiến của từng câu hỏi
- ✓ Vị trí câu hỏi trong đề kiểm tra

- Các thông tin hỗ trợ khác

##### *c. Thông tin cơ bản của ma trận đề kiểm tra:*

- Mục tiêu đánh giá (objectives)
- Lĩnh vực, phạm vi kiến thức (Content)
- Thời lượng (cả đề kiểm tra, từng phần kiểm tra)
- Tổng số câu hỏi
- Phân bố câu hỏi theo lĩnh vực, phạm vi kiến thức, mức độ khó, mục tiêu đánh giá.
- Các lưu ý khác...

**MẪU MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA .....**  
**MÔN: ..... – THỜI GIAN LÀM BÀI: ..... phút**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL	
1	Nội dung 1	1.1.....											
		.....											
2	Nội dung 2	2.1.....											
		2.2.....											
		.....											
3	.....	.....											
<b>Tổng</b>													
<b>Tỉ lệ (%)</b>													
<b>Tỉ lệ chung (%)</b>													

***d. Ví dụ minh họa mẫu ma trận đề kiểm tra***

**2. Bản đặc tả đề kiểm tra**

***a. Khái niệm bản đặc tả***

Bản đặc tả đề kiểm tra (trong tiếng Anh gọi là *test specification* hay *test blueprint*) là một bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để viết một đề kiểm tra hoàn chỉnh. Bản đặc tả đề kiểm tra cung cấp thông tin về cấu trúc đề kiểm tra, hình thức câu hỏi, số lượng câu hỏi ở mỗi loại, và phân bố câu hỏi trên mỗi mục tiêu đánh giá.

Bản đặc tả đề kiểm tra giúp nâng cao độ giá trị của hoạt động đánh giá, giúp xây dựng đề kiểm tra đánh giá đúng những mục tiêu dạy học dự định được đánh giá. Nó cũng giúp đảm bảo sự đồng nhất giữa các đề kiểm tra dùng để phục vụ cùng một mục đích đánh giá. Bên cạnh lợi ích đối với hoạt động kiểm tra đánh giá, bản đặc tả đề kiểm tra có tác dụng giúp cho hoạt động học tập trở nên rõ ràng, có mục đích, có tổ chức và có thể kiểm soát được. Người học có thể sử dụng để chủ động đánh giá việc học và tự chấm điểm sản phẩm học tập của mình. Còn người dạy có thể áp dụng để triển khai hướng dẫn các nhiệm vụ, kiểm tra và đánh giá. Bên cạnh đó, nó cũng giúp các nhà quản lý giáo dục kiểm soát chất lượng giáo dục của đơn vị mình.

***b. Cấu trúc bản đặc tả đề kiểm tra***

Một bản đặc tả đề kiểm tra cần chỉ rõ mục đích của bài kiểm tra, những mục tiêu dạy học mà bài kiểm tra sẽ đánh giá, ma trận phân bố câu hỏi theo nội dung dạy học và mục tiêu dạy học, cụ thể như sau:

(i) Mục đích của đề kiểm tra

Phần này cần trình bày rõ đề kiểm tra sẽ được sử dụng phục vụ mục đích gì. Các mục đích sử dụng của đề kiểm tra *có thể* bao gồm (1 hoặc nhiều hơn 1 mục đích):

Cung cấp thông tin mô tả trình độ, năng lực của người học tại thời điểm đánh giá.

Dự đoán sự phát triển, sự thành công của người học trong tương lai.

Nhận biết sự khác biệt giữa các người học.

Đánh giá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, dạy học.

Đánh giá kết quả học tập (hay việc làm chủ kiến thức, kỹ năng) của người học so với mục tiêu giáo dục, dạy học đã đề ra.

Chẩn đoán điểm mạnh, điểm tồn tại của người học để có hoạt động giáo dục, dạy học phù hợp.

Đánh giá trình độ, năng lực của người học tại thời điểm bắt đầu và kết thúc một khóa học để đo lường sự tiến bộ của người học hay hiệu quả của khóa học.

(ii) Hệ mục tiêu dạy học/ tiêu chí đánh giá

Phần này trình bày chi tiết mục tiêu dạy học: những kiến thức và năng lực mà người học cần chiếm lĩnh và sẽ được yêu cầu thể hiện thông qua bài kiểm tra. Những tiêu chí để xác định các cấp độ đạt được của người học đối với từng mục tiêu dạy học.

Có thể sử dụng các thang năng lực để xác định mục tiêu dạy học/ tiêu chí đánh giá, chẳng hạn thang năng lực nhận thức của Bloom...

(iii) Bảng đặc tả đề kiểm tra

Đây là một bảng có cấu trúc hai chiều, với một chiều là các chủ đề kiến thức và một chiều là các cấp độ năng lực mà người học sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra. Với mỗi chủ đề kiến thức, tại một cấp độ năng lực, căn cứ mục tiêu dạy học, người dạy đưa ra một tỷ trọng cho phù hợp.

(iv). Cấu trúc đề kiểm tra

Phần này mô tả chi tiết các hình thức câu hỏi sẽ sử dụng trong đề kiểm tra; phân bố thời gian và điểm số cho từng câu hỏi.

Ví dụ minh họa mẫu bản đặc tả đề kiểm tra

**MẪU BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA .....**  
**MÔN: ..... – THỜI GIAN LÀM BÀI: .....**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Nội dung 1	1.1.....	Nhận biết: ..... .....	.....	.....	.....	.....
			Thông hiểu: ..... .....				
		1.2.....	Vận dụng: ..... .....	.....	.....	.....	.....
			Vận dụng cao: ..... .....				
2	Nội dung 2	2.1.....	..... .....	.....	.....	.....	.....
		2.2.....	..... .....				
<b>Tổng</b>				.....	.....	.....	.....

### 3. Một số lưu ý đối với việc viết câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn và tự luận

#### 3.1. Vai trò của trắc nghiệm

Trắc nghiệm trong giảng dạy được xem như một công cụ để thực hiện các phép đo lường, đánh giá trình độ, năng lực cũng như kết quả học tập của người học. Mặc dù không phải là một phương pháp đánh giá trực tiếp, trắc nghiệm được sử dụng từ rất lâu đời và rộng rãi trong lịch sử giáo dục và dạy học, nhờ sự thuận tiện và tính kinh tế, cũng như việc dễ dàng can thiệp bằng các kỹ thuật phù hợp nhằm tăng cường tính chính xác và độ tin cậy của thông tin về người học mà trắc nghiệm mang lại.

Để hình thành nên một bài trắc nghiệm, chúng ta cần có các câu hỏi, từ đơn giản đến phức tạp, nhằm thu thập thông tin chi tiết về từng kiến thức, kỹ năng, hay từng khía cạnh năng lực cụ thể mà người học làm chủ. Người ta chia các loại hình câu hỏi trắc nghiệm thành hai nhóm: khách quan và chủ quan. Câu trắc nghiệm khách quan là những câu hỏi mà việc chấm điểm hoàn toàn không phụ thuộc chủ quan của người đánh giá cho điểm. Một số dạng thức điển hình của câu trắc nghiệm khách quan như câu trả lời Đúng/Sai, câu nhiều lựa chọn, câu ghép đôi, câu điền khuyết. Ngược lại, chúng ta có một số loại hình câu hỏi mà kết quả đánh giá có thể bị ảnh hưởng bởi tính chủ quan của người chấm điểm. Điển hình cho nhóm này là các loại câu hỏi tự luận: câu hỏi mà người học phải tự mình viết ra phần trả lời, thay vì chọn câu trả lời từ các phương án cho sẵn.

Mặc dù có sự khác biệt như vậy về mức độ khách quan của đánh giá, nhưng không vì thế mà nhóm câu hỏi này được sử dụng rộng rãi và phổ biến hơn nhóm câu hỏi kia. Cả hai nhóm câu trắc nghiệm khách quan và tự luận đều có những điểm mạnh riêng, và chúng ta cần có đủ hiểu biết về mỗi loại hình câu hỏi để có thể khai thác sử dụng một cách phù hợp



và hiệu quả nhất.

### 3.2. Phân loại các dạng thức câu hỏi kiểm tra đánh giá

### 3.3. So sánh trắc nghiệm khách quan với tự luận

Trắc nghiệm khách quan	Tự luận
Chấm bài nhanh, chính xác và khách quan.	Chấm bài mất nhiều thời gian, khó chính xác và khách quan
Có thể sử dụng các phương tiện hiện đại trong chấm bài và phân tích kết quả kiểm tra.	Không thể sử dụng các phương tiện hiện đại trong chấm bài và phân tích kết quả kiểm tra. Cách chấm bài duy nhất là giáo viên phải đọc bài làm của học sinh.
Có thể tiến hành kiểm tra đánh giá trên diện rộng trong một khoảng thời gian ngắn.	Mất nhiều thời gian để tiến hành kiểm tra trên diện rộng
Biên soạn khó, tốn nhiều thời gian, thậm chí sử dụng các phần mềm để trộn đề.	Biên soạn không khó khăn và tốn ít thời gian.
Bài kiểm tra có rất nhiều câu hỏi nên có thể kiểm tra được một cách hệ thống và toàn diện	Bài kiểm tra chỉ có một số rất hạn chế câu hỏi ở một số phần, số chương nhất định nên



kiến thức và kỹ năng của học sinh, tránh được tình trạng học tủ, dạy tủ.	chỉ có thể kiểm tra được một phần nhỏ kiến thức và kỹ năng của học sinh, dễ gây ra tình trạng học tủ, dạy tủ.
Tạo điều kiện để HS tự đánh giá kết quả học tập của mình một cách chính xác.	Học sinh khó có thể tự đánh giá chính xác bài kiểm tra của mình.
Không hoặc rất khó đánh giá được khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ và quá trình tư duy của học sinh để đi đến câu trả lời.	Có thể đánh giá được khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ và quá trình tư duy của học sinh để đi đến câu trả lời. Thể hiện ở bài làm của học sinh
Không góp phần rèn luyện cho HS khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến của mình. Học sinh khi làm bài chỉ có thể chọn câu trả lời đúng có sẵn.	Góp phần rèn luyện cho học sinh khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến của mình..
Sự phân phối điểm trải trên một phổ rất rộng nên có thể phân biệt được rõ ràng các trình độ của HS.	Sự phân phối điểm trải trên một phổ hẹp nên khó có thể phân biệt được rõ ràng trình độ của học sinh.
Chỉ giới hạn sự suy nghĩ của học sinh trong một phạm vi xác định, do đó hạn chế việc đánh giá khả năng sáng tạo của học sinh.	HS có điều kiện bộc lộ khả năng sáng tạo của mình một cách không hạn chế, do đó có điều kiện để đánh giá đầy đủ khả năng sáng tạo của học sinh.

### ***3.4. Nguyên tắc sử dụng các dạng thức câu hỏi***

Dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan có ưu thế để đo lường đánh giá kiến thức (VD: kiến thức về một môn học) trong quá trình học hay khi kết thúc môn học đó ở các mức nhận thức thấp như nhận biết, hiểu, áp dụng...

Dạng câu hỏi tự luận có ưu thế để đo lường đánh giá những nhận thức ở mức độ cao (các kỹ năng trình bày, diễn đạt... các khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá...).

Cả hai đều có thể dùng để đo lường đánh giá những khả năng tư duy ở mức độ cao như giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo hay lý luận phân tích...

Hình thức thi nào và dạng câu hỏi thi nào cũng có những ưu điểm và nhược điểm nhất định do đó sử dụng dạng câu hỏi thi nào phụ thuộc vào bản chất của môn thi và mục đích của kỳ thi.

### ***3.5. Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn***

#### ***a. Cấu trúc câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn***

Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn có thể dùng nhằm định trí nhớ, mức hiểu biết, năng lực áp dụng, phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề hay cả năng lực tư duy cao hơn.

Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn gồm hai phần:

Phần 1: câu phát biểu căn bản, gọi là câu dẫn (PROMPT), hay câu hỏi (STEM).

Phần 2: các phương án (OPTIONS) để thí sinh lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng hoặc đúng nhất, các phương án còn lại là phương án nhiễu (DISTRACTERS). Thông thường câu hỏi MCQ có 4 phương án lựa chọn.

\* Câu dẫn: có chức năng chính như sau:

Đặt câu hỏi;

Đưa ra yêu cầu cho HS thực hiện;

Đặt ra tình huống/ hay vấn đề cho HS giải quyết.

Yêu cầu cơ bản khi viết câu dẫn, phải làm HS biết rõ/hiểu:

Câu hỏi cần phải trả lời

Yêu cầu cần thực hiện

Vấn đề cần giải quyết

\* Các phương án lựa chọn: có 2 loại:

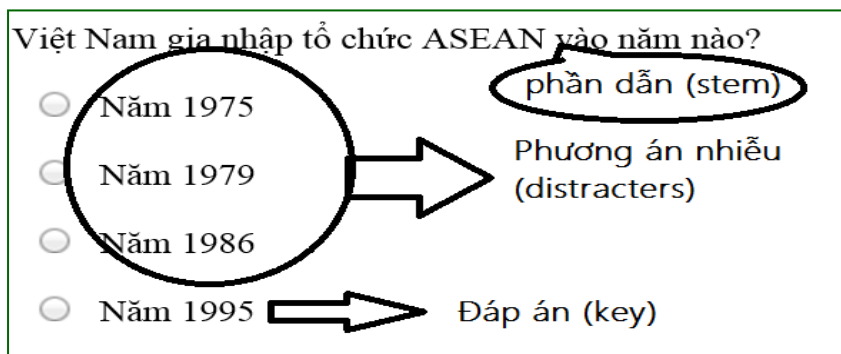
- Phương án đúng, Phương án tốt nhất: Thể hiện sự hiểu biết của học sinh và sự lựa chọn chính xác hoặc tốt nhất cho câu hỏi hay vấn đề mà câu hỏi yêu cầu.

- Phương án nhiễu - Chức năng chính: Là câu trả lời hợp lý (nhưng không chính xác) đối với câu hỏi hoặc vấn đề được nêu ra trong câu dẫn.

+ Chỉ hợp lý đối với những học sinh không có kiến thức hoặc không đọc tài liệu đầy đủ.

+ Không hợp lý đối với các học sinh có kiến thức, chịu khó học bài.

Ví dụ :



Trong câu hỏi trên:

- Đáp án là D

- Phương án A: Thống nhất đất nước

- Phương án B: Chiến tranh biên giới Việt – Trung.
- Phương án C: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam

**b. Đặc tính của câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn**

TT	Cấp độ	Mô tả
1	Nhận biết	Học sinh nhớ các khái niệm cơ bản, có thể nêu lên hoặc nhận ra chúng khi được yêu cầu
2	Thông hiểu	Học sinh hiểu các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng, khi chúng được thể hiện theo cách tương tự như cách giáo viên đã giảng hoặc như các ví dụ tiêu biểu về chúng trên lớp học.
3	Vận dụng	Học sinh có thể hiểu được khái niệm ở một cấp độ cao hơn “thông hiểu”, tạo ra được sự liên kết logic giữa các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng để tổ chức lại các thông tin đã được trình bày giống với bài giảng của giáo viên hoặc trong sách giáo khoa.
4	Vận dụng cao	Học sinh có thể sử dụng các kiến thức về môn học - chủ đề để giải quyết các vấn đề mới, không giống với những điều đã được học, hoặc trình bày trong sách giáo khoa, nhưng ở mức độ phù hợp nhiệm vụ, với kỹ năng và kiến thức được giảng dạy phù hợp với mức độ nhận thức này. Đây là những vấn đề, nhiệm vụ giống với các tình huống mà Học sinh sẽ gặp phải ngoài xã hội.

**c. Ưu điểm và nhược điểm của câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

• **Ưu điểm:**

- Có thể đo được khả năng tư duy khác nhau .... Có thể dùng loại này để kiểm tra, đánh giá những mục tiêu giảng dạy khác nhau.
- Nội dung đánh giá được nhiều, có thể bao quát được toàn bộ chương trình học
- Độ tin cậy cao hơn, yếu tố đoán mò may rủi giảm hơn so với câu hỏi có 2 lựa chọn ... (câu hỏi đúng sai)
- Độ giá trị cao hơn nhờ tính chất có thể dùng đo những mức nhận thức và tư duy khác nhau và ở bậc cao.
- Việc chấm bài nhanh hơn, khách quan hơn.
- Khảo sát được số lượng lớn thí sinh

• **Hạn chế:**

- Khó và tốn thời gian soạn câu hỏi/các phương án nhiễu.
- Các câu hỏi dễ rơi vào tình trạng kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức nếu viết hời hợt;
- Các câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn có thể khó đo được khả năng phán đoán tình vi, khả năng giải quyết vấn đề một cách khéo léo và khả năng diễn giải một cách hiệu nghiệm bằng câu hỏi loại tự luận.

#### ***d. Những kiểu câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn:***

- Câu lựa chọn câu trả lời đúng: trong các phương án đưa ra để thí sinh lựa chọn chỉ có duy nhất một phương án đúng

Câu lựa chọn câu trả lời đúng nhất: trong các phương án đưa ra có thể có nhiều hơn một phương án là đúng, tuy nhiên sẽ có một phương án là đúng nhất.

- Câu lựa chọn các phương án trả lời đúng: trong các phương án lựa chọn có một hoặc nhiều hơn một phương án đúng, và thí sinh được yêu cầu tìm ra tất cả các phương án đúng.

- Câu lựa chọn phương án để hoàn thành câu: với loại câu hỏi này, phần thân của câu hỏi là một câu không hoàn chỉnh; phần khuyết có thể nằm trong hoặc nằm cuối của câu dẫn và thí sinh được yêu cầu lựa chọn một phương án phù hợp để hoàn thành câu.

- Câu theo cấu trúc phủ định: câu hỏi kiểu này có phần thân câu hỏi chứa một từ mang ý nghĩa phủ định như không, ngoại trừ...

- Câu kết hợp các phương án: với kiểu câu này, phần thân thường đưa ra một số (nên là 3 – 6) mệnh đề, thường là các bước thực hiện trong một quy trình hoặc các sự kiện/ hiện tượng diễn ra trong một trình tự thời gian....., sau đó, mỗi phương án lựa chọn và một trật tự sắp xếp các mệnh đề đã cho.

#### ***e. Một số nguyên tắc khi biên soạn câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn***

- Phần dẫn cần bao gồm một câu hoặc một số câu truyền đạt một ý hoàn chỉnh, để người học đọc hết phần dẫn đã có thể nắm được sơ bộ câu hỏi đang kiểm tra vấn đề gì; đồng thời các phương án lựa chọn cần ngắn gọn. Nguyên tắc này cũng giúp chúng ta tiết kiệm diện tích giấy để trình bày câu hỏi trên đề thi, đồng thời tiết kiệm thời gian đọc câu hỏi của thí sinh.

- Mỗi câu hỏi nên thiết kế có 4 đến 5 phương án lựa chọn. Các câu hỏi trong cùng một đề thi nên thống nhất về số lượng phương án lựa chọn để thuận tiện trong chấm điểm. Trường hợp trong cùng một đề thi có nhiều câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn và số lượng các phương án không thống nhất thì cần sắp xếp thành các nhóm các câu có cùng số lượng phương án.

- Câu hỏi cũng như các phương án lựa chọn cần không có dấu hiệu kích thích thí sinh đoán mò đáp án. Hai tác giả Millman và Pauk (1969) đã chỉ ra 10 đặc trưng lớn mà câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn có thể cung cấp dấu hiệu để người dự thi đoán mò đáp án, đó là:

Phương án đúng được diễn đạt dài hơn những phương án còn lại;

Phương án đúng được mô tả chi tiết và đầy đủ, khiến cho người ta dễ dàng nhận ra nhờ tính chính xác của phương án;

Nếu một phương án lựa chọn chứa từ khóa được nhắc lại từ phần dẫn thì nhiều khả năng đó là phương án đúng;

Phương án đúng có tính phổ biến và quen thuộc hơn những phương án còn lại;

Người ta sẽ ít khi đặt phương án đầu tiên và phương án cuối cùng là đáp án; Nếu các phương án được sắp xếp theo một trật tự logic (ví dụ: nếu là các con số thì sắp xếp từ bé đến lớn), người ta sẽ có xu hướng sắp xếp đáp án là các phương án ở giữa;

Nếu các phương án đều mang ý nghĩa cụ thể, chỉ có một phương án mang ý nghĩa khái quát thì nhiều khả năng phương án khái quát nhất sẽ là đáp án;

Nếu có hai phương án mang ý nghĩa tương tự nhau hoặc đối lập nhau thì một trong hai phương án này sẽ là đáp án;

Nếu câu hỏi có phương án cuối cùng kiểu “tất cả các phương án trên đều đúng/sai” thì có thể đáp án sẽ rơi vào phương án này;

Việc sử dụng ngôn từ ngây ngô, dễ dãi, không phù hợp văn cảnh có thể là dấu hiệu của phương án nhiễu;

Nếu chỉ có một phương án khi ghép với phần dẫn tạo nên một chỉnh thể ngữ pháp thì đây chính là đáp án.

- Phương án nhiễu không nên “sai” một cách quá lộ liễu mà cần có sự liên hệ logic nhất định tới chủ đề và được diễn đạt sao cho có vẻ đúng (có vẻ hợp lý). Lý tưởng nhất, các phương án nhiễu nên được xây dựng dựa trên lỗi sai của người học, chẳng hạn các con số biểu thị kết quả của những cách tư duy sai (không phải là những con số được lấy ngẫu nhiên).

- Cần rất thận trọng khi sử dụng câu có phương án lựa chọn kiểu “tất cả các phương án trên đều đúng/sai”. Trong câu trắc nghiệm lựa chọn phương án đúng nhất, việc sử dụng lựa chọn “tất cả các phương án trên đều sai” cần tuyệt đối tránh. Trong một đề thi cũng không nên xuất hiện quá nhiều câu hỏi có lựa chọn kiểu này.

- Hạn chế sử dụng câu phủ định, đặc biệt là câu có 2 lần phủ định. Việc sử dụng câu dạng này chỉ là rối tư duy của thí sinh khi suy nghĩ tìm đáp án. Sử dụng câu dạng này làm tăng độ khó câu hỏi, mà độ khó ấy lại không nằm ở tri thức/ năng lực cần kiểm tra mà nằm ở việc đọc hiểu câu hỏi của thí sinh. Nếu nhất thiết phải dùng câu dạng này thì cần làm nổi bật từ phủ định (bằng cách in hoa và/hoặc in đậm).

- Các phương án lựa chọn cần hoàn toàn độc lập với nhau, tránh trùng lặp một phần hoặc hoàn toàn.

- Nếu có thể, hãy sắp xếp các phương án lựa chọn theo một trật tự logic nhất định. Việc làm này sẽ giảm thiểu các dấu hiệu kích thích thí sinh đoán mò đáp án.

- Trong cùng một đề thi, số câu hỏi có vị trí đáp án là phương án thứ nhất, thứ hai, thứ ba, ... nên gần bằng nhau. Tránh một đề thi có quá nhiều câu hỏi có đáp án đều là phương án thứ nhất hoặc thứ hai ...

- Các phương án lựa chọn nên đồng nhất với nhau, có thể về ý nghĩa, âm thanh từ vựng, độ dài, thứ nguyên, loại từ (danh từ, động từ, tính từ...).

- Trong một số trường hợp cụ thể, cần chú ý tính thời sự hoặc thời điểm của dữ liệu đưa ra trong câu hỏi, nhằm đảm bảo tính chính xác của dữ liệu, và không gây tranh cãi về đáp án.

- Phải chắc chắn có một phương án là đúng.

### **3.6. Trắc nghiệm tự luận**

#### ***a. Khái niệm***

Theo John M. Stalnaker (1951), câu trắc nghiệm tự luận "là một câu hỏi yêu cầu thí sinh phải tự viết ra phần bài làm của mình với độ dài thông thường là một câu hoặc nhiều hơn một câu. Về bản chất, người viết câu hỏi không thể liệt kê sẵn các kiểu trả lời được cho là đúng, và vì thế sự chính xác và chất lượng câu trả lời chỉ có thể được đánh giá một cách chủ quan bởi một người dạy dạy môn học"<sup>1</sup>.

Theo cách định nghĩa trên, câu trắc nghiệm tự luận có 4 điểm đặc trưng, khác với câu trắc nghiệm khách quan, như sau:

Yêu cầu thí sinh phải viết câu trả lời, thay vì lựa chọn;

Phần trả lời của thí sinh phải bao gồm từ 2 câu trở lên;

Cho phép mỗi thí sinh có kiểu trả lời khác nhau;

Cần có người chấm điểm đủ năng lực để đánh giá sự chính xác và chất lượng của câu hỏi; đánh giá này mang sự chủ quan của người chấm điểm.

Mặc dù gọi là câu trắc nghiệm tự luận nhưng chúng ta có thể sử dụng loại câu này ở tất cả các môn học, từ nhóm các môn học xã hội đến các môn khoa học tự nhiên, kể cả toán học (chẳng hạn, kiểm tra cách tư duy và lập luận của thí sinh thông qua việc trình bày các bước để giải một bài toán).

#### ***b. Ưu điểm và hạn chế của câu trắc nghiệm tự luận***

\* Ưu điểm

- Đánh giá được những năng lực nhận thức và tư duy bậc cao, như năng lực thảo luận về một vấn đề, năng lực trình bày quan điểm, năng lực miêu tả và trình bày theo quy trình hoặc hệ thống, năng lực nhận diện nguyên nhân và trình bày giải pháp...

- Phù hợp để đánh giá quá trình tư duy và lập luận của thí sinh.

---

<sup>1</sup> **Stalnaker, J. M.** (1951). *The Essay Type of Examination*. In E. F. Lindquist (Ed.), *Educational Measurement* (pp. 495-530). Menasha, Wisconsin: George Banta.

- Mang lại trải nghiệm thực tế cho thí sinh: Câu hỏi tự luận thường mang lại bối cảnh để thí sinh thể hiện năng lực gắn với đời sống hơn là câu trắc nghiệm. Những kỹ năng phù hợp với đánh giá qua trắc nghiệm tự luận như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lập luận bảo vệ quan điểm... đều là những kỹ năng mang ý nghĩa sống còn với cuộc sống.

- Có thể đánh giá được thái độ của người học thông qua việc trả lời câu trắc nghiệm tự luận, điều này rất khó thực hiện khi sử dụng câu trắc nghiệm khách quan.

\* Hạn chế:

Chỉ đánh giá được một phạm vi nội dung nhất định, khó đảm bảo tính đại diện cho nội dung cần đánh giá: bởi vì câu trắc nghiệm tự luận cần có thời gian để thí sinh trả lời câu hỏi, nên một đề kiểm tra không thể bao gồm quá nhiều câu tự luận, từ đó dẫn đến không thể bao phủ toàn bộ những nội dung cần đánh giá, và khó đảm bảo độ giá trị của câu hỏi.

Với loại câu hỏi này, thông thường viết câu hỏi thì nhanh nhưng việc chấm điểm thì tốn thời gian và đòi hỏi người chấm điểm phải thành thạo chuyên môn. Việc chấm điểm cũng khó tránh khỏi chủ quan của người chấm, ảnh hưởng đến độ tin cậy của kết quả đánh giá. Trình độ, năng lực, hiểu biết về thí sinh, thậm chí cả trạng thái tâm lý của người chấm điểm đều có thể ảnh hưởng đến điểm số.

Nhìn chung, câu trắc nghiệm tự luận sử dụng phù hợp nhất để: (i) đánh giá mức độ nắm vững một nội dung kiến thức thuộc môn học; (ii) đánh giá khả năng lập luận của người học, sử dụng kiến thức môn học.

### ***c. Các dạng câu trắc nghiệm tự luận***

Có thể phân loại câu trắc nghiệm tự luận thành hai nhóm: Câu tự luận có cấu trúc và Câu tự luận mở. Dưới đây là hai ví dụ:

Ở câu tự luận này, thí sinh được yêu cầu viết bài luận có độ dài giới hạn 2 trang, và nội dung giới hạn ở việc *so sánh*. Các yêu cầu cụ thể hơn về nội dung cũng được đưa ra, thể hiện của việc *liên hệ* với trải nghiệm thực tế của người học. Ngoài ra, đầu bài cũng nêu những tiêu chí chấm điểm quan trọng: *mức độ rõ ràng, giải thích điểm giống và khác nhau, cách liên hệ...*

Với câu tự luận dưới đây, thí sinh hoàn toàn tự do trong việc thể hiện quan điểm, tự do trong việc lựa chọn thông tin để đưa vào phần trả lời, tự do sắp xếp các ý, và tự do lựa chọn từ ngữ và cách diễn đạt để trình bày câu trả lời. Loại câu hỏi tự luận mở rất phù hợp để khuyến khích người học phát triển năng lực sáng tạo.

#### *Câu tự luận mở:*

Có người nói công thức của tình bạn: “Một muỗng của sự chia sẻ, hai muỗng của sự quan tâm, một muỗng cho sự tha thứ, trộn tất cả những thứ này lại với nhau... sẽ tạo nên người bạn mãi mãi”. Hãy bình luận về câu nói này. Hãy đưa ra một công thức của riêng mình và dùng kinh nghiệm, sự trải nghiệm của mình để thuyết phục mọi người.

Thời gian làm bài: 40 phút.

*Câu tự luận có cấu trúc:* Viết một bài luận ngắn khoảng 2 trang, so sánh hai khái niệm “vị tha” và “ích kỷ”. Bài luận cần liên hệ với (a) một bối cảnh hoặc tình huống cụ thể mà một người có tính “vị tha” hay “ích kỷ” gặp phải; và (b) những người mà họ gặp.

Bài luận của bạn sẽ được chấm điểm dựa trên mức độ rõ ràng của việc giải thích điểm giống và khác nhau giữa hai khái niệm trên, và cách liên hệ với (a) bối cảnh, tình huống, và (b) những người cụ thể.

Thời gian làm bài: 40 phút.

Câu tự luận có cấu trúc phù hợp để đánh giá các bậc nhận thức như Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích, và khả năng tổ chức, sắp xếp thông tin...

Câu tự luận mở phù hợp để đánh giá các bậc nhận thức Hiểu, Vận dụng, Phân tích, Đánh giá; các vấn đề mang tính tích hợp, toàn cầu; cách thức tổ chức, sắp xếp thông tin; khả năng thuyết phục...

#### ***d. Một số lưu ý khi viết câu trắc nghiệm tự luận***

- Chỉ nên sử dụng câu tự luận để đánh giá những mục tiêu dạy học mà nếu đánh giá bằng câu trắc nghiệm khách quan thì sẽ có nhiều hạn chế (ví dụ: những năng lực nhận thức bậc cao như phân tích, đánh giá, sáng tạo). Đặc biệt với câu tự luận mở chỉ nên khai thác để đánh giá năng lực đánh giá, sáng tạo.

- Đặt câu hỏi phải đảm bảo nhắm đến yêu cầu thí sinh thể hiện năng lực như mục tiêu dạy học đã đặt ra. Nếu sử dụng câu tự luận có cấu trúc, phải đảm bảo sử dụng động từ phù hợp với động từ đã sử dụng ở mục tiêu dạy học. Nếu là câu tự luận mở, phải đảm bảo các tiêu chí đánh giá được mục tiêu dạy học.

- Yêu cầu của câu hỏi cần được làm rõ tới người học thông qua văn phong rõ ràng và ngắn gọn. Sử dụng những từ chỉ hành động cụ thể như miêu tả, giải thích, so sánh, nêu ưu điểm và nhược điểm... Tránh dùng những động từ mơ hồ, trừu tượng như “vận dụng”, vì người học có thể không biết cần làm gì khi được yêu cầu “vận dụng”. Với một số mục tiêu đánh giá kỳ vọng về số lượng lập luận hay vấn đề mà người học cần trình bày, câu hỏi cũng cần nêu rõ số lượng này. Với câu tự luận có cấu trúc, người dạy nên cùng người học xây dựng bài mẫu, hoặc các tiêu chí đánh giá để người học hiểu rõ câu hỏi hơn và việc chấm điểm cũng sẽ khách quan hơn.

- Với câu trắc nghiệm tự luận, không nên cho phép thí sinh lựa chọn câu hỏi giữa các câu hỏi tương đương nhau. Việc sử dụng câu tự luận đã làm giảm tính đại diện của nội dung đánh giá, việc cho phép thí sinh lựa chọn câu hỏi một lần nữa làm giảm tính đại diện này. Hơn nữa, mỗi thí sinh có thể có hứng thú với câu hỏi này hơn là câu hỏi khác, việc cho thí sinh lựa chọn câu hỏi sẽ làm cho việc đánh giá trở nên thiếu công bằng.

- Cần nhắc để giao đủ thời gian làm bài cho mỗi câu hỏi. Trên đề kiểm tra nên ghi rõ khuyến nghị thời gian làm bài và độ dài phần trả lời câu hỏi (nếu có thể). Cần tính toán để



thí sinh có đủ thời gian đọc đề bài, suy nghĩ và viết câu trả lời. Không nên có quá nhiều câu hỏi tự luận trong một đề kiểm tra.

- Công việc chấm điểm bài tự luận có thể bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố gây thiên kiến như: chính tả, cách hành văn, chữ VIẾT, cách lấy ví dụ, hiểu biết của người chấm điểm về thí sinh... Để giảm thiểu sự ảnh hưởng này, việc chấm điểm cần tập trung vào mục tiêu dạy học mà chúng ta cần đánh giá, sử dụng các tiêu chí đánh giá đã thống nhất từ trước. Với câu tự luận trả lời có cấu trúc, có thể xây dựng tiêu chí đánh giá và thang điểm trên một bài trả lời mẫu. Đồng thời, nên đọc phách bài kiểm tra trước khi chấm điểm. Tiến hành chấm điểm toàn bộ bài làm của một câu hỏi (ở tất cả các bài kiểm tra) trước khi chuyển sang câu tiếp theo. Với những bài kiểm tra mang ý nghĩa quan trọng đối với thí sinh, nên có 2-3 người chấm điểm cùng đánh giá một bài kiểm tra.

**Phần II**  
**HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BẢN ĐẶC TẢ, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**  
**ĐỊNH KÌ TRONG MÔN NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC, MĨ THUẬT)**  
**CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**A. NỘI DUNG ÂM NHẠC**

**1. Nguyên tắc chung**

Xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì môn Nghệ thuật (nội dung Âm nhạc) ở cấp THCS cần đảm bảo một số nguyên tắc sau:

- Phù hợp với nội dung và yêu cầu cần đạt trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc 2018; phù hợp với thời lượng dành cho kiểm tra đánh giá được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc 2018.

- Đảm bảo đủ và đúng các quy định tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Phù hợp với đặc trưng môn học (nội dung Âm nhạc), chú trọng thực hành, sản phẩm học tập và dự án học tập. Với đặc trưng này thì môn Âm nhạc không xây dựng ma trận đề kiểm tra định kì mà chỉ xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra.

- Phù hợp với cả hai hình thức dạy học trực tiếp và trực tuyến; phù hợp với yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình kiểm tra, đánh giá: học sinh có thể trình bày bài thực hành qua hình thức trực tuyến; học sinh quay video gửi cho sản phẩm cho giáo viên (có thể dựng video trình bày kết hợp cả 3 mạch nội dung: hát, đọc nhạc, nhạc cụ).

- Có tính mở để phù hợp với năng lực và sở trường của từng học sinh (học sinh được chọn 1 trong 3 mạch nội dung hát, đọc nhạc, nhạc cụ để kiểm tra, đánh giá).

**2. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra định kì**

Quy trình xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra định kì gồm các bước sau:

***Bước 1: Xác định mức độ đánh giá***

Căn cứ vào nội dung và yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn Âm nhạc 2018, GV cần xác định được mức độ đánh giá (thang đánh giá) phù hợp với từng yêu cầu cụ thể. Mức độ đánh giá gồm: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao.

GV có thể tham khảo bảng động từ mô tả mức độ trong Chương trình môn Âm nhạc 2018 để xác định được mức độ đánh giá phù hợp.

Chương trình môn Âm nhạc sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu dưới đây hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sự phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	Gọi được tên (hình thức biểu diễn), kể được tên (một số nhạc sĩ tiêu biểu), liệt kê được (một số loại nhạc cụ), nhắc lại được (nội dung bài hát), phát biểu được, thuộc (lời ca); nhận biết (các nốt nhạc, các kí hiệu ghi nhạc), xác định được, đọc đúng (cao độ và trường độ các nốt nhạc),...
Hiểu	Mô tả được (động tác chơi nhạc cụ), nêu được ví dụ; tóm tắt được, giải thích được (ý nghĩa của một số kí hiệu và thuật ngữ âm nhạc); so sánh được (sự khác nhau giữa các loại nhịp),...
Vận dụng	Biểu diễn được (các tiết mục âm nhạc); điều chỉnh được (giọng hát để tạo nên sự hài hoà); tổ chức được (hoạt động âm nhạc phù hợp với lứa tuổi); xếp loại được, đánh giá được (kĩ năng thể hiện âm nhạc của bản thân và người khác),...

### ***Bước 2: Xác định hình thức đánh giá***

Sau khi xác định được mức độ đánh giá, GV cần xác định được hình thức đánh giá phù hợp, bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên cần thực hiện cả 4 mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); còn đánh giá định kì chủ yếu tập trung vào 2 mức độ (vận dụng, vận dụng cao) bởi vì thời lượng dành cho đánh giá định kì chỉ có 10%. Sản phẩm của bước 2 được gọi là bản đặc tả.

### ***Bước 3: Xác định tiêu chí đánh giá định kì***

Sau khi xác định được hình thức đánh giá, GV lựa chọn ra những yêu cầu cần đạt đặc trưng và cần thiết, phù hợp với hình thức đánh giá định kì, đó là những tiêu chí đánh giá.

### ***Bước 4: Xây dựng đề kiểm tra định kì***

Căn cứ vào những tiêu chí đã xác định, GV cần xây dựng đề kiểm tra phù hợp và khả thi. Với mỗi nội dung (hát, đọc nhạc, nhạc cụ), GV có thể chỉ cần xây dựng 01 đề kiểm tra nhưng phải đáp ứng được nhiều tiêu chí.

Những nội dung được trình bày trong tài liệu sẽ minh họa cụ thể cho quy trình trên.

## **3. Xác định mức độ đánh giá các mạch nội dung**

### **Lớp 6**

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Hát	Bài hát tuổi học sinh (11 – 12 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính	<b>Nhận biết</b> - Nêu được tên bài hát, tên tác giả và nội dung của bài hát. <b>Thông hiểu</b>

		<p>chất âm nhạc. Một số bài có 2 bè đơn giản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát.</li> <li>- Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái.</li> <li>- Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định,</li> <li>- Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca với 2 bè đơn giản.</li> <li>- Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà.</li> <li>- Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa các câu hát. Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp.</li> <li>- Biết biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.</li> </ul>
2	<b>Nghe nhạc</b>	<p>Nghe một số bản nhạc có lời và không lời phù hợp với độ tuổi</p>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tên bản nhạc và tên tác giả.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết biểu lộ cảm xúc khi</li> </ul>

			<p>nghe nhạc.</p> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tưởng tượng khi nghe nhạc.</li> <li>- Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.</li> </ul>
3	<b>Đọc nhạc</b>	<p>Giọng Đô trưởng. Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng. Một số bài có 2 bè đơn giản.</p>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc đúng tên nốt.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc; phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc.</li> <li>- Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng.</li> <li>- Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm.</li> </ul>
4	<b>Nhạc cụ</b>	<p>Một số bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng.</p>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết nhận xét về cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế và đúng kĩ thuật.</li> <li>- Tự làm được nhạc cụ gõ đơn giản từ chất liệu sẵn có.</li> <li>- Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài</li> </ul>

			<p>tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.</li> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu.</li> <li>- Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát.</li> <li>- Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.</li> </ul>
5	<b>Lí thuyết âm nhạc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc</li> <li>- Kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latin.</li> <li>- Nhịp 4/4.</li> <li>- Cung, nửa cung.</li> <li>- Các bậc chuyển hoá, dấu hoá</li> </ul>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được ý nghĩa của một số kí hiệu và thuật ngữ âm nhạc.</li> <li>- Cảm nhận được tính chất nhịp 4/4.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và thể hiện được một số kí hiệu âm nhạc thông qua thực hành.</li> <li>- Biết ghi chép bản nhạc đơn giản theo hướng dẫn của giáo viên.</li> </ul>

6	<b>Thường thức âm nhạc</b>	<p>Tìm hiểu nhạc cụ: Một số nhạc cụ phổ biến của Việt Nam và nước ngoài.</p>	<p><b>Nhận biết</b> Nêu được tên của nhạc cụ.</p> <p><b>Thông hiểu</b> - Nêu được các đặc điểm của nhạc cụ. - Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn.</p> <p><b>Vận dụng</b> Nhận biết, cảm nhận và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ khi nghe nhạc.</p>
		<p>Tác giả và tác phẩm: Một số nhạc sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới.</p>	<p><b>Thông hiểu</b> - Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ; kể tên một vài tác phẩm tiêu biểu.</p> <p><b>Vận dụng</b> - Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc.</p>
		<p>Hình thức biểu diễn: Hát bè.</p>	<p><b>Thông hiểu</b> - Nêu được đặc điểm và tác dụng của hát bè.</p> <p><b>Vận dụng</b> - Nhận biết được một số hình thức hát bè đơn giản. - Vận dụng hát bè vào các hoạt động âm nhạc.</p>
		<p>Âm nhạc và đời sống: Một số nghệ sĩ, nghệ nhân, nhà nghiên cứu,... có nhiều đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam</p>	<p><b>Thông hiểu</b> - Nêu được đôi nét về cuộc đời và những đóng góp cho nền âm nhạc của nghệ sĩ,</p>

			nghệ nhân, nhà nghiên cứu,.. <b>Vận dụng</b> - Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc do nghệ sĩ trình diễn.
--	--	--	---

### Lớp 7

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Hát	Bài hát tuổi học sinh (12 – 13 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<b>Nhận biết</b> - Nêu được tên bài hát, tên tác giả và nội dung của bài hát. <b>Thông hiểu</b> - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác. <b>Vận dụng</b> - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. - Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng. - Biết hát đơn ca, song ca. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà. <b>Vận dụng cao</b> - Biết hát tốp ca, đồng ca với 2 bè đơn giản. - Biết hát kết hợp gõ đệm,



			vận động hoặc đánh nhịp.
2	<b>Nghe nhạc</b>	Nghe một số bản nhạc có lời và không lời phù hợp với độ tuổi.	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tên bản nhạc và tên tác giả.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.</li> <li>- Biết tưởng tượng khi nghe nhạc</li> </ul>
3	<b>Đọc nhạc</b>	Giọng Đô trưởng. Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được ý nghĩa của các kí hiệu trong bài đọc nhạc; phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc.</li> <li>- Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc; thể hiện được tính chất âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước đầu cảm nhận được sự hoà quyện của âm thanh khi đọc nhạc có bè.</li> </ul>

			- Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp.
4	<b>Nhạc cụ</b>	Một số bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng.	<p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.</li> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.</li> <li>- Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát.</li> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu.</li> <li>- Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.</li> </ul>
5	<b>Lí thuyết âm nhạc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhịp lấy đà.</li> <li>- Kí hiệu để tăng trường độ nốt nhạc: dấu nối, dấu chấm dôi, dấu miến nhịp.</li> <li>- Một số kí hiệu, thuật ngữ về nhịp độ, cường độ và sắc thái.</li> <li>- Dấu nhắc lại, dấu quay lại, khung thay đổi.</li> </ul>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được ý nghĩa của một số kí hiệu và thuật ngữ âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và thể hiện được một số kí hiệu âm nhạc thông qua thực hành.</li> <li>- Biết ghi chép bản nhạc đơn giản.</li> </ul>
6	<b>Thường thức âm nhạc</b>	- Tìm hiểu nhạc cụ: Một số nhạc cụ phổ biến của Việt	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tên và các đặc</li> </ul>

	Nam và nước ngoài.	điểm của nhạc cụ. <b>Thông hiểu</b> - Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn. <b>Vận dụng</b> - Cảm nhận và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ.
	- Tác giả và tác phẩm: Một số nhạc sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới.	<b>Nhận biết</b> - Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ; kể tên một vài tác phẩm tiêu biểu <b>Thông hiểu</b> - Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc <b>Vận dụng</b> - Biết vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc.
	- Thể loại âm nhạc: Một số thể loại ca khúc	<b>Nhận biết</b> - Nêu được đặc điểm một số thể loại ca khúc. <b>Thông hiểu</b> - Nhận biết được một số thể loại ca khúc. <b>Vận dụng</b> - Vận dụng một số thể loại ca khúc vào các hoạt động âm nhạc.
	- Âm nhạc và đời sống: Dân ca một số vùng miền Việt Nam.	<b>Nhận biết</b> - Nêu được đặc điểm dân ca một số vùng miền. <b>Thông hiểu</b> - Nhận biết được dân ca một

			số vùng miền. <b>Vận dụng</b> - Vận dụng một số bài dân ca vào các hoạt động âm nhạc.
--	--	--	---

### Lớp 8

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Hát	Bài hát tuổi học sinh (13 – 14 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 hoặc 3 bè đơn giản.	<b>Nhận biết</b> - Nêu được tên bài hát, tên tác giả và nội dung của bài hát. <b>Thông hiểu</b> - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác. - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. <b>Vận dụng</b> - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. - Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng. - Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca với 2 hoặc 3 bè đơn giản. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.

			<p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp.</li> <li>- Biết dàn dựng và biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường.</li> </ul>
2	<b>Nghe nhạc</b>	Nghe một số bản nhạc có lời và không lời phù hợp với độ tuổi	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được tên bản nhạc và tên tác giả từ một vài nét nhạc điển hình.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.</li> <li>- Biết tưởng tượng khi nghe nhạc.</li> </ul>
3	<b>Đọc nhạc</b>	Giọng Đô trưởng và La thứ. Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, móc kép và các dấu lặng. Một số bài có 2 hoặc 3 bè đơn giản.	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc.</li> <li>- Nhận biết được gam Đô trưởng và gam La thứ.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc đúng được cao độ gam Đô trưởng và gam La thứ.</li> <li>- Giải thích được ý nghĩa của các kí hiệu trong bài đọc nhạc; phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc đúng tên nốt, cao độ và trường độ bài đọc nhạc; thể hiện được tính chất âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp</li> <li>- Cảm nhận được sự hoà quyện của âm thanh khi đọc nhạc có bè.</li> </ul>
4	<b>Nhạc cụ</b>	<p>Một số bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, móc kép và các dấu lặng.</p>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết bảo quản nhạc cụ và điều chỉnh âm thanh đúng cách.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.</li> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết điều chỉnh cường độ tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc</li> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu.</li> <li>- Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát.</li> <li>- Biết dàn dựng và biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.</li> </ul>

5	<b>Lí thuyết âm nhạc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ lược về giọng, giọng Đô trưởng, giọng La thứ</li> <li>- Đảo phách</li> <li>- Nhịp 3/8, 6/8.</li> </ul>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được một số kí hiệu âm nhạc.</li> <li>- So sánh được sự khác nhau giữa các loại nhịp đã học.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được tính chất nhịp 3/8, 6/8.</li> <li>- Thể hiện được một số kí hiệu âm nhạc thông qua thực hành.</li> <li>- Biết ghi chép bản nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận dụng kiến thức đã học khi hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ, tìm hiểu bản nhạc,...</li> <li>- Nhận biết được một số bản nhạc viết ở giọng Đô trưởng hoặc La thứ.</li> </ul>
6	<b>Thường thức âm nhạc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu nhạc cụ: Một số nhạc cụ phổ biến của Việt Nam và nước ngoài.</li> </ul>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tên và các đặc điểm của nhạc cụ.</li> <li>- Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ.</li> <li>- Gọi được tên hình thức biểu diễn mà nhạc cụ tham gia diễn tấu như song tấu, tam tấu, tứ tấu,...</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác giả và tác phẩm: Một số nhạc sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới.</li> </ul>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên một vài tác phẩm tiêu biểu.</li> <li>- Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc.</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể loại âm nhạc: Hợp xướng.</li> </ul>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được đặc điểm và tác dụng của hợp xướng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được hát hợp xướng và các hình thức ca hát khác.</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Âm nhạc và đời sống: Một số di sản văn hoá phi vật thể (liên quan đến âm nhạc) được UNESCO công nhận.</li> </ul>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được những di sản văn hoá đã học.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vài nét về di sản văn hoá đã học.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu về di sản văn hoá cho người khác.</li> </ul>

### Lớp 9

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Hát	Bài hát tuổi học sinh (14 – 15 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 hoặc 3	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tên bài hát, tên tác giả, số chỉ nhịp và nội dung hoặc giá trị nghệ thuật của bài hát.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được sắc thái và</li> </ul>



		bè đơn giản.	<p>tình cảm của bài hát.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.</li> <li>- Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được nhịp, phách ổn định.</li> <li>- Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng.</li> <li>- Biết hát đơn ca, song ca.</li> <li>- Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hát hát tập ca, đồng ca với 2 hoặc 3 bè đơn giản.</li> <li>- Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp.</li> </ul>
2	<b>Nghe nhạc</b>	Nghe một số bản nhạc có lời và không lời phù hợp với độ tuổi.	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra tên bản nhạc và tên tác giả từ một vài nét nhạc điển hình.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết lắng nghe và biểu lộ cảm xúc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tưởng tượng khi nghe</li> </ul>

			<p>nhạc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.</li> </ul>
3	<b>Đọc nhạc</b>	<p>Giọng Đô trưởng và La thứ.</p> <p>Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, móc kép và các dấu lặng. Một số bài có 2 hoặc 3 bè đơn giản.</p>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được ý nghĩa của các kí hiệu trong bài đọc nhạc; phân biệt và giải thích được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc.</li> <li>- Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng và gam La thứ.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được màu sắc âm nhạc của điệu trưởng và điệu thứ.</li> <li>- Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.</li> <li>- Đọc đúng tên nốt, cao độ và trường độ bài đọc nhạc; thể hiện được tính chất âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được sự hoà quyện của âm thanh khi đọc nhạc có bè.</li> <li>- Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp.</li> </ul>
4	<b>Nhạc cụ</b>	Một số bài tập tiết tấu, giai	<b>Thông hiểu</b>

		<p>điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, móc kép và các dấu lặng.</p>	<p>- Biết bảo quản nhạc cụ và điều chỉnh âm thanh đúng cách.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.</p> <p>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu.</p> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <p>- Biết điều chỉnh cường độ tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc</p> <p>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu.</p> <p>- Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát.</p> <p>- Biết dàn dựng và biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.</p>
5	<b>Lí thuyết âm nhạc</b>	<p>- Sơ lược về quãng, xác định và gọi tên quãng theo độ lớn số lượng.</p> <p>- Sơ lược về dịch giọng.</p> <p>- Sơ lược về hợp âm. Một số hợp âm của các giọng Đô trưởng, La thứ.</p>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <p>- Giải thích được ý nghĩa của một số kí hiệu và thuật ngữ âm nhạc.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Thể hiện được một số kí hiệu âm nhạc thông qua thực hành.</p> <p>- So sánh được độ lớn số lượng của các quãng.</p> <p>- Biết ghi chép bản nhạc.</p> <p>- Nhận biết được một số hợp</p>

			âm của giọng Đô trưởng và giọng La thứ. <b>Vận dụng cao</b> - Biết vận dụng kiến thức đã học khi hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ, tìm hiểu bản nhạc,... - Biết dịch giọng bản nhạc theo hướng dẫn của giáo viên.
6	<b>Thường thức âm nhạc</b>	Tim hiểu nhạc cụ: Một số nhạc cụ phổ biến của Việt Nam và nước ngoài.	<b>Thông hiểu</b> - Nêu được tên và các đặc điểm của nhạc cụ. - Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn. <b>Vận dụng</b> - Cảm nhận và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ. - Gọi được tên hình thức biểu diễn mà nhạc cụ tham gia diễn tấu như song tấu, tam tấu, tứ tấu,...
		Tác giả và tác phẩm: Một số nhạc sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới.	<b>Thông hiểu</b> - Hiểu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ. - Kể tên một vài tác phẩm tiêu biểu. - Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc. <b>Vận dụng</b> - Biết vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc.
		Thể loại âm nhạc: Một số thể loại nhạc đàn.	<b>Thông hiểu</b> - Nêu được đặc điểm một số thể loại nhạc đàn.

			<p>- Nhận biết được một số thể loại nhạc đàn.</p> <p><b>Vận dụng</b> Vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc.</p>
		<p>Âm nhạc và đời sống: Một số di sản văn hoá phi vật thể (liên quan đến âm nhạc) được UNESCO công nhận.</p>	<p><b>Nhận biết</b> - Nhận biết được những di sản văn hoá đã học.</p> <p><b>Thông hiểu</b> - Nêu được vài nét về di sản văn hoá đã học.</p> <p><b>Vận dụng</b> - Giới thiệu về di sản văn hoá cho người khác.</p>

#### 4. Giới thiệu bản đặc tả nội dung Âm nhạc cấp THCS

##### Lớp 6

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	Bài hát tuổi học sinh (11 – 12 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<p><b>Nhận biết</b> - Nêu được tên bài hát, tên tác giả và nội dung của bài hát.</p> <p><b>Thông hiểu</b> - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.</p> <p><b>Vận dụng</b> - Hát đúng cao độ,</p>	x  x  x	   x

			<p>trường độ, sắc thái.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định,</li> <li>- Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca với 2 bè đơn giản.</li> <li>- Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà.</li> <li>- Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa các câu hát. Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp.</li> <li>- Biết biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.</li> </ul>	x	x
2	<b>Nghe nhạc</b>	Nghe một số bản nhạc có lời và không lời phù hợp với độ tuổi	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tên bản nhạc và tên tác giả.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc.</li> </ul>	x	x

			<b>Vận dụng cao</b> - Biết tưởng tượng khi nghe nhạc. - Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.	x	
3	<b>Đọc nhạc</b>	Giọng Đô trưởng. Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<b>Nhận biết</b> - Đọc đúng tên nốt. <b>Thông hiểu</b> - Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc; phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. - Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc. <b>Vận dụng</b> - Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng. - Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc. <b>Vận dụng cao</b> - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm.	x  x  x	       x
4	<b>Nhạc cụ</b>	Một số bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng.	<b>Thông hiểu</b> - Biết nhận xét về cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác. <b>Vận dụng</b> - Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế và đúng	x  x	       x

			<p>kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự làm được nhạc cụ gõ đơn giản từ chất liệu sẵn có.</li> <li>- Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.</li> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.</li> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu.</li> <li>- Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát.</li> <li>- Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.</li> </ul>		
5	<b>Lí thuyết âm nhạc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc</li> <li>- Kí hiệu âm bằng</li> </ul>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được ý nghĩa của một số kí hiệu và thuật ngữ âm</li> </ul>	x	



		<p>hệ thống chữ cái Latin.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhịp 4/4.</li> <li>- Cung, nửa cung.</li> <li>- Các bậc chuyển hoá, dấu hoá</li> </ul>	<p>nhạc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được tính chất nhịp 4/4.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và thể hiện được một số kí hiệu âm nhạc thông qua thực hành.</li> <li>- Biết ghi chép bản nhạc đơn giản theo hướng dẫn của giáo viên.</li> </ul>	x	
6	<b>Thường thức âm nhạc</b>	<p>Tìm hiểu nhạc cụ: Một số nhạc cụ phổ biến của Việt Nam và nước ngoài.</p>	<p><b>Nhận biết</b></p> <p>Nêu được tên của nhạc cụ.</p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các đặc điểm của nhạc cụ.</li> <li>- Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>Nhận biết, cảm nhận và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ khi nghe nhạc.</p>	x	
		<p>Tác giả và tác phẩm: Một số nhạc sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới.</p>	<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ; kể tên một vài tác phẩm tiêu biểu.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nhận được vẻ</li> </ul>	x	

			<p>đẹp của tác phẩm âm nhạc.</p> <p>- Biết vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc.</p>		
		Hình thức biểu diễn: Hát bè.	<p><b>Thông hiểu</b></p> <p>- Nêu được đặc điểm và tác dụng của hát bè.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Nhận biết được một số hình thức hát bè đơn giản.</p> <p>- Vận dụng hát bè vào các hoạt động âm nhạc.</p>	x	x
		Âm nhạc và đời sống: Một số nghệ sĩ, nghệ nhân, nhà nghiên cứu,... có nhiều đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam	<p><b>Thông hiểu</b></p> <p>- Nêu được đôi nét về cuộc đời và những đóng góp cho nền âm nhạc của nghệ sĩ, nghệ nhân, nhà nghiên cứu,..</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc do nghệ sĩ trình diễn.</p>	x	x

## **B. NỘI DUNG MĨ THUẬT**

### **1. Định hướng chung về kiểm tra, đánh giá trong chương trình môn Mĩ thuật 2018**

#### **1.1. Mục tiêu, yêu cầu của kiểm tra, đánh giá**

\* Mục tiêu:

Mục tiêu của đánh giá kết quả giáo dục môn Mĩ thuật là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của từng học sinh; giúp học sinh tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và tự điều chỉnh hoạt động học tập; giúp giáo viên biết được những tiến bộ và hạn chế của học sinh, từ đó có hướng dẫn kịp thời cho học sinh và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động dạy học một cách phù hợp; giúp nhà quản lí hiểu rõ chất lượng giáo dục, làm căn cứ để có những điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục; giúp cha mẹ học sinh hiểu rõ những tiến bộ của con và có những biện pháp, phối hợp giáo dục với nhà trường. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

\* Yêu cầu:

- Phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt đối với mỗi lớp học, cấp học; coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh trong học tập và những tình huống khác nhau.

- Đánh giá phẩm chất của học sinh trong giáo dục Mĩ thuật chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời về thái độ, tình cảm, hành vi ứng xử của học sinh khi tham gia các hoạt động mĩ thuật.

- Đánh giá năng lực đặc thù của môn học chủ yếu bằng định lượng, thông qua đánh giá các thành phần của năng lực thẩm mĩ; chú ý đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh.

- Học sinh cần được biết thời gian, nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá để có thể chủ động thực hiện, tham gia đánh giá và tự đánh giá, giúp học sinh phát triển học tập thông qua đánh giá.

#### **1.2. Hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá**

\* Hình thức đánh giá:

- Đánh giá chẩn đoán: Sử dụng vào thời điểm đầu của một giai đoạn dạy học, nhằm giúp giáo viên thu thập những thông tin về kiến thức, kĩ năng mĩ thuật, những điểm mạnh và nhu cầu của từng học sinh, từ đó xây dựng kế hoạch và phương pháp giáo dục thích hợp.

- Đánh giá định tính và đánh giá định lượng: Đánh giá định tính được thực hiện chủ yếu ở cấp tiểu học; đánh giá định lượng được sử dụng chủ yếu ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, bảo đảm phân hoá dần ở các lớp học trên.

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh bao gồm: Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Trong đó, coi trọng kết hợp hài hoà giữa đánh giá thường xuyên (quá trình) và đánh giá tổng kết (định kì).

- Đánh giá thường xuyên được thực hiện trong toàn bộ tiến trình dạy học và tích hợp trong các hoạt động dạy học; đánh giá tổng kết được thực hiện ở thời điểm gần hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối năm học, cuối cấp học). Thực hiện đánh giá thường xuyên căn cứ vào hoạt động học tập của học sinh, như: chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,... trả lời câu hỏi, phát biểu ý kiến, thảo luận, chia sẻ; thuyết trình, bài viết, kết quả thực hành; thực hiện trưng bày, tham gia nhận xét, đánh giá,... trong quá trình học tập. Đánh giá thường xuyên có sự tham gia của các chủ thể khác nhau: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá đồng đẳng, học sinh tự đánh giá.

- Đánh giá định kì (giữa kì 1, cuối kì 1, giữa kì 2, cuối kì 2) căn cứ vào các sản phẩm thực hành, kết quả dự án học tập, video clip, bài tự luận,... của học sinh.

\* Phương pháp, công cụ đánh giá

- Sử dụng một số phương đặc trưng trong dạy học kĩ thuật, như: quan sát, hỏi đáp, tự luận, sản phẩm học tập...; kết hợp sử dụng các công cụ đánh giá như: Phiếu đánh giá giá theo tiêu chí, bảng kiểm, phiếu hỏi/phiếu bài tập, phiếu quan sát... bảo đảm sự phù hợp, độ tin cậy, tính toàn diện, khách quan, chính xác và phân hoá trong đánh giá.

## **2. Xây dựng đặc tả mức độ, tiêu chí đánh giá và đề kiểm tra định kì môn Mĩ thuật cấp THCS**

### **2.1. Khái quát chung về nội dung CT Mĩ thuật cấp THCS**

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn học Mĩ thuật thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật và được dạy học xuyên suốt ở ba cấp học (tiểu học, THCS, THPT). Nội dung chương trình môn học *không xác lập nội dung dạy học theo bài, theo tiết mà lấy yêu cầu cần đạt* quy định trong chương trình *làm căn cứ lựa chọn nội dung dạy học, đánh giá kết quả giáo dục*. Chương trình môn học được phân chia theo hai giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. *Cấp THCS thuộc giai đoạn giáo dục cơ bản.*

Chương trình Mĩ thuật cấp THCS là một bộ phận cấu thành của Chương trình môn học và tiếp tục phát triển hai mạch nội dung *Mĩ thuật tạo hình, Mĩ thuật ứng dụng*, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên *yếu tố và nguyên lí tạo hình*, kết hợp tiếp cận các chủ đề: *Văn hóa, xã hội, nghệ thuật*; đồng thời, các hoạt động học tập nhấn mạnh đến *thực hành và thảo luận*, từ đó *giúp học sinh* hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực trong dạy học kĩ thuật, góp phần đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, hài hòa về thể chất và tinh thần cho học sinh; cũng như, giúp HS nhận thức được sự tương tác của kĩ thuật với đời sống văn hóa, xã hội và có hiểu biết ban đầu về một số ngành nghề gắn với kĩ thuật, làm cơ sở lựa chọn tiếp tục học tập, phát triển kĩ thuật sau khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản.

## 2.2. Hướng dẫn xây dựng đặc tả mức độ đánh giá

### 2.1.1. Hướng dẫn chung

Như trên đã nêu, chương trình thống nhất cấu trúc nội dung ở các lớp gồm hai mạch: Mĩ thuật tạo hình, Mĩ thuật ứng dụng và được trình bày theo hai cột: Yêu cầu cần đạt và nội dung. *Yêu cầu cần đạt* là cụ thể hóa mục tiêu của chương trình đối với cấp học, *Nội dung là định hướng nội dung dạy học*, gồm 4 cấu phần: 1) Yếu tố và nguyên lí tạo hình; 2) Thể loại; 3) Hoạt động thực hành và thảo luận; 4) Định hướng chủ đề.

Theo đó, việc *đặc tả mức độ đánh giá* với mỗi mạch nội dung (mĩ thuật tạo hình, mĩ thuật ứng dụng) ở mỗi lớp cần dựa vào *nội dung, yêu cầu cần đạt* trong chương trình và cần trình bày theo cấu trúc sau:

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Mĩ thuật tạo hình	Yếu tố và nguyên lí tạo hình: ... Thể loại: ... Hoạt động thực hành và thảo luận: ... Định hướng chủ đề: ...	Nhận biết: ... Thông hiểu: ... Vận dụng: ... Vận dụng cao: ...
2	Mĩ thuật ứng dụng	Yếu tố và nguyên lí tạo hình: ... Thể loại: ... Hoạt động thực hành và thảo luận: ... Định hướng chủ đề: ...	Nhận biết: ... Thông hiểu: ... Vận dụng: ... Vận dụng cao: ...

Trong đó:

- *Đơn vị kiến thức*: Là phần “Nội dung” định hướng trong chương trình mỗi lớp tương ứng với mỗi mạch nội dung Mĩ thuật tạo hình, Mĩ thuật ứng dụng.

- *Mức độ đánh giá*: Là nội dung các “Yêu cầu cần đạt” quy định trong chương trình mỗi lớp theo ba thành phần năng lực của môn học: Quan sát và nhận thức thẩm mĩ, Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ, Phân tích và đánh giá thẩm mĩ. Tuy nhiên, việc sắp xếp nội dung các yêu cầu cần đạt này theo các mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao cần lưu ý một số điểm sau:

+ Tham khảo, linh hoạt vận dụng nội dung giải thích “Từ ngữ thể hiện mức độ cần đạt” ở điểm b, mục VIII (trang 73, 74, Chương trình môn Mĩ thuật 2018).

+ Trường hợp, nếu có yêu cầu cần đạt có thể phù hợp với một số mức độ đánh giá thì có thể sắp xếp yêu cầu cần đạt đó theo một trong hai hướng như sau: i) Nếu muốn nâng độ khó của đề (mức độ đánh giá) thì đặt yêu cầu cần đạt đó ở mức đánh giá thấp hơn; ii) Nếu muốn hạ độ khó của đề (mức độ đánh giá) thì đặt yêu cầu cần đạt đó ở mức đánh giá cao hơn.

Ví dụ: Mạch nội dung Mĩ thuật tạo hình, lớp 6, Yêu cầu cần đạt “*Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm*” cần cân nhắc giữa hai mức độ : “Thông hiểu” và “Vận dụng” thì có thể đặt yêu cầu cần đạt này theo hai hướng sau:

i) Nếu đặt ở mức độ “Thông hiểu” thì sẽ làm tăng độ “khó” về mức độ đánh giá của yêu cầu cần đạt này (tăng độ khó của đề).

ii) Nếu đặt ở mức độ “Vận dụng” thì sẽ giảm độ “khó” về mức độ đánh giá của yêu cầu cần đạt này (giảm độ khó của đề).

### 2.2.2. Giới thiệu đặc tả mức độ đánh giá ở các lớp của cấp học (mỗi mạch nội dung: Mĩ thuật tạo hình, Mĩ thuật ứng dụng)

#### LỚP 6

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	mức độ đánh giá
1	Mĩ thuật tạo hình	<p><b><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></b>                      Lựa chọn, kết hợp:  <i>Yếu tố tạo hình</i>                      – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.  <i>Nguyên lí tạo hình</i>                      – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</p> <p><b><i>Thể loại</i></b>                      Lựa chọn, kết hợp:                      – Lí luận và lịch sử mĩ thuật                      – Hội hoạ                      – Đồ hoạ (tranh in)                      – Điêu khắc</p> <p><b><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></b>  <i>Thực hành</i>                      – Thực hành sáng tạo sản</p>	<p><b>Nhận biết:</b>                      – Xác định được nội dung chủ đề                      - Nhận biết đặc điểm cơ bản của thể loại Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc.                      – Nhận biết được nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản.</p> <p><b>Thông hiểu:</b>                      – Nêu được các bước thực hành, sáng tạo.                      – Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành, sáng tạo.                      – Phân tích được vẻ đẹp của tác phẩm mĩ thuật.</p> <p><b>Vận dụng:</b>                      – Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo.                      – Biết vận dụng được giá trị thẩm mĩ của di sản văn hoá nghệ thuật vào thực hành sáng tạo</p>

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	mức độ đánh giá
		<p>phẩm mỹ thuật 2D.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.</li> </ul> <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b><i>Định hướng chủ đề</i></b></p> <p>Lựa chọn kết hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn hoá xã hội</li> <li>- Nghệ thuật Tiên sử và Cổ đại Việt Nam, thế giới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được mối liên hệ giữa mỹ thuật với một số môn học, hoạt động giáo dục khác.</li> <li>– Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm.</li> <li>– Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống.</li> </ul>
2.	<b>Mỹ thuật ứng dụng</b>	<p><b><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</li> </ul> <p><i>Nguyên lí tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li> </ul> <p><b><i>Thể loại</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Thiết kế công nghiệp</li> <li>– Thiết kế đồ hoạ</li> <li>– Thiết kế thời trang</li> </ul>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được mục đích sử dụng của sản phẩm.</li> <li>– 1.Xác định được các loại vật liệu phù hợp để tạo nên sản phẩm.</li> <li>– Chỉ ra được các bước cơ bản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– 2.Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế.</li> <li>– Phân biệt được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế.</li> <li>– Phân tích được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– 3.Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của một</li> </ul>

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	mức độ đánh giá
		<p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận</b></p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D.</li> </ul> <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh</li> </ul> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội</li> <li>– Nghệ thuật Tiền sử và Cổ đại Việt Nam, thế giới.</li> </ul>	<p>số yếu tố tạo hình vào thiết kế sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được một số giá trị thẩm mỹ từ di sản văn hoá nghệ thuật vào thiết kế sản phẩm.</li> <li>- Biết cách trưng bày sản phẩm cá nhân, nhóm</li> <li>– 4. Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Sáng tạo từ những đồ vật, vật liệu sẵn có thành sản phẩm mới.</li> <li>– 5. Biết đặt câu hỏi, trả lời, trao đổi về sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm thực hành trong đánh giá.</li> </ul>

### LỚP 7

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Mĩ thuật tạo hình	<p><b>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</li> </ul> <p><i>Nguyên lí tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li> </ul>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được mục đích sáng tạo sản phẩm.</li> <li>– Nhận biết được giá trị thẩm mỹ của một số trường phái nghệ thuật.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xây dựng được kế hoạch học tập sát với quá trình thực hành sáng tạo.</li> <li>– Phân biệt được sự mô phỏng lại và lặp lại trên sản phẩm, tác</li> </ul>



TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
		<p><b>Thể loại</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Hội hoạ</li> <li>– Đồ hoạ (tranh in)</li> <li>– Điêu khắc</li> </ul> <p><b>Hoạt động thực hành</b></p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.</li> </ul> <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> <li>– Nghệ thuật Trung đại Việt Nam và thế giới.</li> </ul>	<p>phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chỉ ra được vai trò của tác phẩm hội hoạ, đồ hoạ trong không gian nội thất.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định, diễn tả được nguồn sáng và đối tượng được chiếu sáng.</li> <li>– Mô phỏng lại được “mẫu” (đối tượng nghệ thuật) đúng trình tự và phương pháp.</li> <li>– Vận dụng được nhịp điệu của đường nét, hoa văn, hoạ tiết,...vào sáng tạo sản phẩm.</li> <li>– Vận dụng được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống vào thực hành, sáng tạo</li> <li>– Lựa chọn được hình thức giới thiệu, không gian trưng bày sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân biệt được một số chất liệu trong hội hoạ và đồ hoạ.</li> <li>– Sử dụng được thuật ngữ chuyên môn để mô tả tác phẩm mỹ thuật.</li> </ul>
2	<b>Mĩ thuật ứng dụng</b>	<p><b>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</li> </ul>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được tính chất biểu tượng của logo thương hiệu.</li> <li>– Biết được một số kĩ thuật cơ bản tạo nên sản phẩm.</li> <li>– Xác định được phong cách chủ đạo, ngôn ngữ thiết kế sử</li> </ul>

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
		<p><i>Nguyên lí tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh,</li> <li>chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li> </ul> <p><b><i>Thể loại</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Thiết kế công nghiệp</li> <li>– Thiết kế đồ hoạ</li> <li>– Thiết kế thời trang</li> </ul> <p><b><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></b></p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D.</li> </ul> <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b><i>Định hướng chủ đề</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> <li>– Nghệ thuật Trung đại Việt Nam và thế giới.</li> </ul>	<p>dụng trong sản phẩm, tác phẩm.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được sự phù hợp của sản phẩm với những đối tượng sử dụng khác nhau.</li> <li>– Biết chọn lọc giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng thiết kế.</li> <li>– Phân tích được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Sao chép, mô phỏng và phát triển được sản phẩm dựa theo mẫu có sẵn.</li> <li>– Vận dụng được tính chất lặp lại của hình ảnh, chữ,... vào thiết kế sản phẩm.</li> <li>– Vận dụng được nhịp điệu của hoa văn, hoạ tiết vào thiết kế sản phẩm.</li> <li>– Hoàn thiện được sản phẩm sẵn sàng cho việc trưng bày hoặc triển lãm, bán hàng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cải tiến, tái chế được công cụ, phương tiện và vật liệu.</li> <li>– Phân tích được vai trò của thị hiếu thẩm mỹ với nhu cầu sử dụng sản phẩm thiết kế.</li> </ul>

## LỚP 8

	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Mĩ thuật tạo hình	<p><b><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><b><i>Yếu tố tạo hình</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</li> </ul> <p><b><i>Nguyên lí tạo hình</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li> </ul> <p><b><i>Thể loại</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Hội hoạ</li> <li>– Đồ hoạ (tranh in)</li> <li>– Điêu khắc</li> </ul> <p><b><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></b></p> <p><b><i>Thực hành</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.</li> <li>– Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.</li> </ul> <p><b><i>Thảo luận</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di</li> </ul>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thu thập được tư liệu, tài liệu,... cho việc thực hiện sản phẩm.</li> <li>– Xác định và thể hiện được điểm nhấn trong thực hành.</li> <li>– Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.</li> <li>– Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lựa chọn được công cụ, phương tiện và vật liệu để thực hành, sáng tạo.</li> <li>– Phân biệt được tính tượng trưng, tính biểu tượng trong tác phẩm mỹ thuật.</li> <li>– Phân biệt được yếu tố chính, phụ, trung gian,... ở sản phẩm, tác phẩm.</li> <li>– Nhận định được tiến trình phát triển của một số phong cách, trào lưu, trường phái nghệ thuật (Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện,...).</li> <li>– Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân.</li> <li>– Tóm tắt được vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của một số nghệ sĩ nổi tiếng Việt Nam và</li> </ul>

	<b>Mạch nội dung</b>	<b>Đơn vị kiến thức</b>	<b>Mức độ đánh giá</b>
		<p>sản văn hoá nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> <li>– Nghệ thuật Hiện đại Việt Nam và thế giới.</li> <li>– Mỹ thuật tạo hình và ngành nghề.</li> </ul>	<p>thế giới.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thể hiện được phương hướng chuyển động của yếu tố tạo hình ở sản phẩm.</li> <li>– Vận dụng được yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo.</li> <li>– Vận dụng được phong cách, bút pháp của một số trường phái nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.</li> <li>– Trình bày được quan điểm cá nhân về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.</li> <li>– Hiểu được vai trò của mỹ thuật trong đời sống văn hoá xã hội.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm cùng phong cách, trường phái.</li> <li>– Thể hiện được kiến thức, kỹ năng liên môn thông qua sản phẩm cụ thể.</li> <li>– Viết được một bài luận hoặc làm một đoạn Video clip, ... giới thiệu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.</li> </ul>
2	<b>Mỹ thuật ứng dụng</b>	<p><b>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm, tác phẩm thiết</li> </ul>

	<b>Mạch nội dung</b>	<b>Đơn vị kiến thức</b>	<b>Mức độ đánh giá</b>
		<p><i>Yếu tố tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</li> </ul> <p><i>Nguyên lí tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li> </ul> <p><b><i>Thể loại</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Thiết kế công nghiệp</li> <li>– Thiết kế đồ hoạ</li> <li>– Thiết kế thời trang</li> </ul> <p><b><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></b></p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D.</li> </ul> <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p>thuật tạo hình.</p> <p><b><i>Định hướng chủ đề</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> </ul>	<p>kế.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được tác động của khoa học kĩ thuật đối với ngành nghề thiết kế.</li> <li>– Nêu được ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm, tác phẩm.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng.</li> <li>– Nhận định được đời sống văn hoá xã hội thông qua hình ảnh trên di sản văn hoá nghệ thuật.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được chi tiết hình ảnh làm trọng tâm cho sản phẩm.</li> <li>– Sử dụng được màu sắc tự thân của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm.</li> <li>– Biết vận dụng yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm</li> <li>– Thể hiện được phương hướng chuyển động của hoa văn, hoạ tiết ở sản phẩm.</li> <li>– Phân tích được giá trị thẩm mỹ, công năng, tiện ích của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; biết rút kinh nghiệm cho thực hành, sáng tạo.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa</li> </ul>

	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
		– Nghệ thuật thiết kế Hiện đại Việt Nam và thế giới.	hai sản phẩm, tác phẩm thiết kế cùng thể loại, mục đích. – Giải thích được tính phổ biến của hình ảnh thương hiệu trong sự phát triển sản phẩm.

## LỚP 9

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Mỹ thuật tạo hình	<p><b><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><b><i>Yếu tố tạo hình</i></b></p> <p>– Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</p> <p><b><i>Nguyên lí tạo hình</i></b></p> <p>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyên động, tỉ lệ, hài hoà.</p> <p><b><i>Thể loại</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</p> <p>– Hội hoạ</p> <p>– Đồ hoạ (tranh in)</p> <p>– Điêu khắc</p> <p><b><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></b></p> <p><b><i>Thực hành</i></b></p> <p>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.</p> <p>– Thực hành sáng tạo sản</p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p>– Nhận biết được sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình.</p> <p>– Tiếp cận và cập nhật được một số trào lưu nghệ thuật đương đại</p> <p>– Xác định được bố cục khuôn hình (cắt cảnh) trong thực hành sáng tạo.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>– Hiểu được mỗi nghệ sĩ đều có phong cách riêng; phong cách thể hiện quan điểm, tư tưởng của nghệ sĩ đó.</p> <p>– Hiểu được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật.</p> <p>– Biết liên tưởng cảm hứng cá nhân với ý tưởng sáng tạo.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>– Vận dụng được hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành sáng tạo.</p> <p>– Mô phỏng được hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với “nguyên mẫu”.</p>

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
		<p>phẩm mỹ thuật 3D.</p> <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>- Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn hoá, xã hội.</li> <li>- Nghệ thuật Đương đại Việt Nam và thế giới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện được ý tưởng bố cục sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập được danh mục tác phẩm, nhật kí sáng tạo, lưu trữ hình ảnh</li> <li>- Nhận định được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật đương đại.</li> <li>- Nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật và vai trò của người xem (khán giả, công chúng) trong thưởng thức, đánh giá tác phẩm.</li> </ul>
2	<b>Mĩ thuật ứng dụng</b>	<p><b><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</li> </ul> <p><i>Nguyên lí tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li> </ul> <p><b><i>Thể loại</i></b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>- Thiết kế công nghiệp</li> <li>- Thiết kế đồ hoạ</li> <li>- Thiết kế thời trang</li> </ul>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận định được sự tác động của internet đối với thị hiếu tiêu dùng.</li> <li>- Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng.</li> <li>- Nêu được giải pháp, phác thảo phương án cho thiết kế sản phẩm.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được vai trò của “nhận diện hình ảnh thương hiệu” trong sản phẩm, tác phẩm thiết kế.</li> <li>- Phân loại được sản phẩm thiết kế đồ hoạ, thiết kế thời trang, thiết kế công nghiệp.</li> <li>- Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên</li> </ul>

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
		<p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận</b></p> <p><i>Thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D.</li> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D.</li> <li>– Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng và thực hành sáng tạo sản phẩm.</li> </ul> <p><i>Thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.</li> <li>– Một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> <li>– Nghệ thuật thiết kế đương đại Việt Nam và thế giới.</li> <li>– Mỹ thuật ứng dụng và ngành nghề</li> </ul>	<p>quan đến nghệ thuật thiết kế.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được nguyên lí của sự sắp xếp (hay còn gọi là bố cục) trong thiết kế.</li> <li>– Lựa chọn được chi tiết có tỉ lệ phù hợp với kích thước sản phẩm.</li> <li>– Xác định, giải thích được địa điểm, không gian có thể phù hợp cho việc trưng bày sản phẩm, tác phẩm.</li> <li>– Cập nhật được xu hướng thẩm mỹ của thời đại và hình thành ý tưởng thiết kế.</li> <li>– Thể hiện được đặc trưng của lĩnh vực ngành nghề thông qua sản phẩm cụ thể.</li> <li>– Sử dụng được thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền thông sản phẩm, tác phẩm.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tạo được sự hài hoà giữa hình và nền trên sản phẩm thiết kế.</li> <li>– Phân tích được nhu cầu của xã hội đối với ngành nghề mỹ thuật ứng dụng.</li> <li>– Nhận định, phân tích được sự hài hoà giữa sản phẩm, tác phẩm và môi trường xung quanh.</li> <li>– Biết ứng dụng khoa học công nghệ vào thiết kế sản phẩm.</li> </ul>



TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được một bài luận hoặc làm một đoạn Video clip, ... giới thiệu ngành nghề liên quan đến kĩ thuật ứng dụng.</li> <li>- Định hướng được nghề nghiệp trong tương lai.</li> </ul>

### 3. Xây dựng tiêu chí đánh giá kiểm tra định kì

#### 3.1. Hướng dẫn chung

Việc xây dựng tiêu chí đánh giá định kì (giữa kì 1, cuối kì 1, giữa kì 2, cuối kì 2) cần dựa vào Bản đặc tả mức độ đánh giá: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao tương ứng với mỗi mạch nội dung (kĩ thuật tạo hình, kĩ thuật ứng dụng) ở mục 2.2 để lựa chọn làm tiêu chí đánh giá ở mỗi lớp và đảm bảo được một số yêu cầu sau:

- Các mức độ đánh giá được lựa chọn làm tiêu chí đánh giá là những yêu cầu cần đạt (còn gọi là chuẩn) có vai trò quan trọng ở mỗi mạch nội dung của mỗi lớp trong chương trình. Đó thường là chuẩn làm cơ sở để hiểu/thực hiện được các chuẩn khác.

- Mỗi mức độ đánh giá (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) cần có ít nhất 01 tiêu chí được lựa chọn làm tiêu chí đánh giá. Nếu cần nhiều hơn 01 tiêu chí ở 01 mức độ đánh giá thì nên cân nhắc lựa chọn mức độ “vận dụng”. Chú ý việc lựa chọn, sắp xếp các tiêu chí để phù hợp với hướng dẫn đánh giá: Đạt, Chưa đạt, đồng thời lưu ý đến tính phân hóa trong kiểm tra, đánh giá ở mỗi thời điểm cụ thể.

- Các mức độ đánh giá lựa chọn để làm tiêu chí kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với mục đích kiểm tra (củng cố kiến thức, kĩ năng, phát triển tư duy độc lập, khả năng hợp tác và phản biện, thuyết trình, tự luận...); phù hợp với đặc trưng của môn học là chú trọng thực hành, tạo sản phẩm (cá nhân/nhóm, dự án học tập...) kết hợp trao đổi, chia sẻ, nhận xét.

- Một yêu cầu cần đạt có thể được sử dụng để làm tiêu chí đánh giá tại các thời điểm kiểm tra trong năm học hoặc tại một thời điểm kiểm tra, nhưng cần chú ý đến tính linh hoạt trong trình bày nội dung của yêu cầu cần đạt/tiêu chí đó, để vừa bảo đảm được nội dung cần đánh giá, vừa phù hợp với thời điểm kiểm tra cụ thể.

Ví dụ: Yêu cầu cần đạt “*Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm*” (thuộc nội dung Kĩ thuật tạo hình, lớp 6), được sử dụng làm tiêu chí đánh giá ở các thời điểm: Giữa kì 1, cuối kì 1, giữa kì 2, cuối kì 2, nhưng cách trình bày nội dung tiêu chí này trong bảng tiêu chí đánh giá ở các kì như sau:

- + Giữa kì 1, cuối kì 1, giữa kì 2: “*Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm cá nhân/nhóm*”

+ Cuối kì 2: “*Phân tích, nhận xét được sản phẩm cá nhân/nhóm*”.

- Nội dung các yêu cầu cần đạt lựa chọn làm tiêu chí đánh giá cần phù hợp với hình thức dạy học trực tiếp và trực tuyến; cũng như phù hợp với yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin: HS gửi, trình bày sản phẩm/báo cáo sản phẩm bằng hình thức trực tuyến; HS quay video (biên tập video, trình, giới thiệu sản phẩm...) và gửi đến GV.

### 3.2. Ví dụ tiêu chí đánh giá định kì lớp 6

#### \* Kiểm tra đánh giá giữa kì 1

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá
1	Mĩ thuật tạo hình	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định được nội dung chủ đề ở sản phẩm.</li> <li>2. Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành (hội họa, đồ họa tranh, điêu khắc).</li> <li>3. Vận dụng được yếu tố tạo hình vào thực hành tạo sản phẩm.</li> <li>4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm (cá nhân/nhóm).</li> <li>5. Liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn</li> </ol>
2	Mĩ thuật ứng dụng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thể hiện được mục đích sử dụng của sản phẩm</li> <li>2. Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm vào đời sống.</li> <li>3. Vận dụng được yếu tố tạo hình vào thực hành thiết kế sản phẩm.</li> <li>4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm thiết kế (cá nhân/nhóm).</li> <li>5. Chia sẻ được kinh nghiệm trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.</li> </ol>

#### \* Kiểm tra đánh giá cuối kì 1

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá
1	Mĩ thuật tạo hình	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thể hiện được nội dung chủ đề ở sản phẩm.</li> <li>2. Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành (hội họa, đồ họa tranh, điêu khắc).</li> <li>3. Vận dụng được nguyên lý cân bằng, tương phản của yếu tố tạo hình vào thực hành tạo sản phẩm.</li> <li>4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm (cá nhân/nhóm).</li> <li>5. Liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn</li> </ol>
2	Mĩ thuật ứng dụng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thể hiện được mục đích sử dụng của sản phẩm</li> <li>2. Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm vào đời sống.</li> </ol>

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>
		3. Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của yếu tố tạo hình vào thực hành thiết kế sản phẩm. 4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm thiết kế (cá nhân/nhóm). 5. Chia sẻ được kinh nghiệm trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.

### **c. Kiểm tra đánh giá giữa kì 2**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>
<b>1</b>	<b>Mĩ thuật tạo hình</b>	1. Thể hiện được nội dung chủ đề ở sản phẩm. 2. Thể hiện được cách sử dụng chất liệu/vật liệu thông qua sản phẩm (hội họa, đồ họa tranh, điêu khắc). 3. Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của yếu tố tạo hình vào thực hành tạo sản phẩm. 4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm (cá nhân/nhóm). 5. Liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn
<b>2</b>	<b>Mĩ thuật ứng dụng</b>	1. Thể hiện được mục đích sử dụng của sản phẩm 2. Hiểu được sự phù hợp của sản phẩm với mục đích sử dụng. 3. Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của yếu tố tạo hình vào thực hành thiết kế sản phẩm. 4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm thiết kế (cá nhân/ nhóm) 5. Chia sẻ được kinh nghiệm trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.

### **d. Kiểm tra đánh giá cuối kì 2**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>
<b>1</b>	<b>Mĩ thuật tạo hình</b>	1. Thể hiện được việc lựa chọn nội dung chủ đề ở sản phẩm. 2. Thể hiện được cách sử dụng chất liệu/vật liệu thông qua sản phẩm (hội họa, đồ họa tranh, điêu khắc). 3. Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo sản phẩm. 4. Biết vận dụng giá trị thẩm mỹ của di sản văn hoá nghệ thuật vào thực hành sáng tạo. 5. Phân tích, nhận xét được sản phẩm (cá nhân/nhóm)

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá
		6. Nêu được ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn
2	Mỹ thuật ứng dụng	1. Thể hiện được việc xác định đúng mục đích sử dụng của sản phẩm 2. Thể hiện được tính phù hợp của sản phẩm với mục đích sử dụng. 3. Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của yếu tố tạo hình vào thực hành thiết kế sản phẩm. 4. Vận dụng được một số giá trị thẩm mỹ từ di sản văn hóa nghệ thuật vào thiết kế sản phẩm. 5. Phân tích, nhận xét được giá trị thẩm mỹ, tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế. 6. Chia sẻ được kinh nghiệm trong thực hành, sáng tạo sản phẩm

#### 4. Hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí kiểm tra định kì

##### 4.1. Hướng dẫn chung

Căn cứ vào các mức độ đánh giá đã được lựa chọn làm tiêu chí đánh giá định kì, việc hướng dẫn đánh giá ở mức Đạt, Chưa đạt cần lưu ý:

- Mức Đạt: Cần bảo đảm được tối thiểu số tiêu chí đại diện cho 3 mức độ đánh giá: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng; đồng thời, chỉ rõ số lượng tiêu chí (3, 4, 5...), cụ thể là những tiêu chí nào trong bảng Tiêu chí đánh giá.

- Mức Chưa đạt: Có số tiêu chí đạt thấp hơn số lượng tiêu chí ở mức “Đạt” và có thể chỉ rõ là tiêu chí nào hoặc tiêu chí bất kì trong bảng Tiêu chí đánh giá.

##### 4.2. Ví dụ hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí kiểm tra định kì lớp 6

Nội dung Hướng dẫn đánh giá dưới đây là dựa trên các tiêu chí chung cho mỗi mạch nội dung trong chương trình tại mỗi thời điểm kiểm tra đối lớp lớp 6.

##### a. Kiểm tra đánh giá giữa kì 1

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Hướng dẫn đánh giá
1	Mỹ thuật tạo hình	<b>Đạt:</b> HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3) hoặc 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4); 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5) trong bảng tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả hai tiêu chí 1 và 2.
2	Mỹ thuật ứng dụng	<b>Đạt:</b> HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3) hoặc 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4); 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5) trong bảng tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả hai tiêu chí 1 và 2.

**b. Kiểm tra đánh giá cuối kì 1**

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Hướng dẫn đánh giá
1	Mĩ thuật tạo hình	<b>Đạt:</b> HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3) hoặc 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4); 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5) trong bảng tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả hai tiêu chí 1 và 2.
2	Mĩ thuật ứng dụng	<b>Đạt:</b> HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3) hoặc 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4); 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5) trong bảng tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả hai tiêu chí 1 và 2.

**c. Kiểm tra đánh giá giữa kì 2**

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Hướng dẫn đánh giá
1	Mĩ thuật tạo hình	<b>Đạt:</b> HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3) hoặc 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4); 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5) trong bảng tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả hai tiêu chí 1 và 2.
2	Mĩ thuật ứng dụng	<b>Đạt:</b> HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3) hoặc 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4); 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5) trong bảng tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả hai tiêu chí 1 và 2.

**d. Kiểm tra đánh giá cuối kì 2**

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Hướng dẫn đánh giá
1	Mĩ thuật tạo hình	<b>Đạt:</b> HS đạt được ít nhất 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5); 6 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5, 6) trong bảng tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2, tiêu chí 3 hoặc cả ba tiêu chí (1, 2, 3) trong bảng Tiêu chí đánh giá.
2	Mĩ thuật ứng dụng	<b>Đạt:</b> HS đạt được ít nhất 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc 5 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5); 6 tiêu chí (1, 2, 3, 4, 5, 6) trong bảng tiêu chí

		đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2, tiêu chí 3 hoặc cả ba tiêu chí (1, 2, 3) trong bảng tiêu chí đánh giá.
--	--	--

## 5. Xây dựng đề kiểm tra, đánh giá kết quả

### 5.1. Nguyên tắc xây dựng đề kiểm tra đánh giá trong môn Mỹ thuật

Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 (ban hành theo TT32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) gồm Chương trình tổng thể và các Chương trình môn học, trong đó có CT môn Mỹ thuật. Mục tiêu trọng tâm của CT GDPT 2018 là giáo dục hình thành phát triển phẩm chất (*yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*), năng lực chung (*tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo*), năng lực đặc thù (*ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất*) ở học sinh; đồng thời, nội dung của các chương trình môn học được thiết kế theo hướng mở, không thiết lập nội dung dạy học theo bài, theo tiết mà lấy yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình làm căn cứ xác lập nội dung dạy học, đánh giá kết quả giáo dục.

Đối với *Chương trình môn Mỹ thuật*, mục tiêu trọng tâm là hình thành, phát triển *năng lực mỹ thuật* – biểu hiện của *năng lực thẩm mỹ* trong lĩnh vực mỹ thuật, trong đó tập trung vào ba thành phần năng lực: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ. Các yêu cầu cần đạt về các thành phần này được quy định cụ thể theo từng khối lớp trong Chương trình – đây là những căn cứ để lựa chọn nội dung dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập mỹ thuật của học sinh theo hướng hình thành, phát triển.

Theo đó, nguyên tắc xây dựng đề kiểm tra đánh giá trong dạy học mỹ thuật cần tuân thủ một số nguyên tắc sau:

#### - **Đảm bảo phù hợp với đặc thù môn học Mỹ thuật**

Mỗi môn học có những yêu cầu riêng về năng lực đặc thù cần hình thành cho HS, vì vậy, việc kiểm tra, đánh giá cũng phải đảm bảo tính đặc thù của môn học nhằm định hướng cho GV lựa chọn và sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu và yêu cầu cần đạt của môn học.

Mục tiêu, yêu cầu cần đạt quy định trong CT môn học (2018): Đây là cơ sở quan trọng để làm căn cứ thiết kế nội dung dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh. Trong đó bao gồm: Mục tiêu góp phần hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực chung và trọng tâm là năng lực mỹ thuật; đồng thời đóng góp vào việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh và nội dung, yêu cầu cần đạt của CT. Bên cạnh đó, cần quán triệt định hướng đổi mới về phương pháp giáo dục đã nêu trong Chương trình môn học đó là: lồng ghép thảo luận nghệ thuật và thực hành nghệ thuật trong nội dung để vận dụng vào việc xây dựng đề kiểm tra đánh giá.

- Thời lượng dành cho kiểm tra: Chương trình môn học, thời lượng dành cho kiểm tra định kì là 10% tổng thời lượng của chương trình ở mỗi khối lớp. Như vậy, thời lượng này là tương đương khoảng 4 tiết/năm học đối với mỗi khối lớp của cấp THCS. Theo đó, mỗi thời điểm kiểm tra định kì (giữa kì 1, cuối kì 1, giữa kì 2, cuối kì 2) là tương đương 1 tiết học.

**- Đảm bảo tính toàn diện và tính linh hoạt**

Việc đánh giá năng lực hiệu quả nhất khi phản ánh được sự hiểu biết đa chiều, tích hợp, về bản chất của các hành vi được bộc lộ theo thời gian. Năng lực là một tổ hợp, đòi hỏi không chỉ sự hiểu biết mà là những gì có thể làm với những gì họ biết; nó bao gồm không chỉ có kiến thức, khả năng mà còn là giá trị, thái độ và thói quen hành vi ảnh hưởng đến mọi hoạt động. Do vậy, đánh giá cần phản ánh những hiểu biết bằng cách sử dụng đa dạng các phương pháp nhằm mục đích mô tả một bức tranh hoàn chỉnh hơn và chính xác năng lực của người được đánh giá. Đánh giá trong môn Mĩ thuật cũng cần đảm bảo đánh giá đầy đủ được các thành phần năng lực của năng lực mĩ thuật; cũng như cần đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với điều kiện dạy học thực tiễn của mỗi địa phương.

**- Đảm bảo tính phát triển**

Nguyên tắc này đòi hỏi trong quá trình kiểm tra, đánh giá, có thể phát hiện sự tiến bộ của học sinh, chỉ ra những điều kiện để cá nhân đạt kết quả tốt hơn về phẩm chất và năng lực; phát huy khả năng tự cải thiện của HS trong hoạt động dạy học và giáo dục.

**- Đảm bảo đánh giá trong bối cảnh thực tiễn**

Để chứng minh người học có phẩm chất và năng lực ở mức độ nào đó, phải tạo cơ hội để họ được giải quyết vấn đề trong tình huống, bối cảnh mang tính thực tiễn. Vì vậy, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS chú trọng việc xây dựng những tình huống, bối cảnh thực tiễn để HS được trải nghiệm và thể hiện mình.

**5.2. Các bước xây dựng đề kiểm tra, đánh giá kết quả**

Ngày 30 tháng 12 năm 2010, Bộ GD&ĐT ban hành Công văn 8773/BGDĐT-GDTrH về Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra; đồng thời dựa trên Hướng dẫn về Đánh giá định kì đối với môn học đánh giá bằng nhận xét tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, việc biên soạn đề kiểm tra trong dạy học môn Mĩ thuật cần thực hiện một số bước cơ bản sau:

**Bước 1. Xác định mục đích kiểm tra, đánh giá**

Đề kiểm tra là một công cụ dùng để đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong một chủ đề/một chương/một học kì, một lớp hay một cấp học, nên người biên soạn đề cần xác định mục đích (củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng, phát triển tư duy độc lập, ý tưởng sáng tạo, khả năng hợp tác, giải quyết vấn đề, tích hợp liên môn...) để làm cơ sở lựa chọn hình thức/cách thức kiểm tra, thực hiện kiểm tra, nội dung kiểm tra... trên cơ sở căn cứ vào mục tiêu, nội dung, yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình và thực tế học tập của học sinh tại thời điểm kiểm tra.

**Bước 2. Xác định hình thức kiểm tra, đánh giá**

Đề kiểm tra thường có các hình thức sau:

- Đề kiểm tra tự luận;
- Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan;
- Đề kiểm tra kết hợp câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.
- Đề kiểm tra thực hành (trên lớp hoặc dự án học tập...)
- Đề kiểm tra kết hợp thực hành và tự luận (ngắn).

Mỗi hình thức kiểm tra đều có ưu điểm và hạn chế riêng. Tuy nhiên, mỹ thuật là môn học lấy hoạt động thực hành là trọng tâm; đồng thời, định hướng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018 là *kết hợp, lồng ghép hoạt động thảo luận với thực hành, sáng tạo*; do vậy, đề kiểm tra cần chú ý kết hợp nội dung *thực hành với nội dung tự luận ngắn* (ví dụ: viết thông tin giới thiệu sản phẩm, giới thiệu ý tưởng sáng tạo, mô tả yếu tố, nguyên lý tạo hình, liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống,...).

### **Bước 3. Xác định nội dung kiểm tra và xây dựng đặc tả mức độ đánh giá**

Căn cứ vào đặc tả mức độ đánh giá ở mỗi mạch nội dung (VD: mục 2.2.2) và việc xác định nội dung kiểm tra (VD: Hội họa, đồ họa tranh...) để xác định, xây dựng đặc tả mức độ đánh giá phù hợp với nội dung KT tại thời điểm đánh giá.

Đối với cột Nội dung: là kiểm tra về mạch mỹ thuật tạo hình hay mỹ thuật ứng dụng.

Đối với cột Đơn vị kiến thức: là nội dung trong CT tương ứng với mạch mỹ thuật tạo hình hay mỹ thuật ứng dụng, gồm: Yếu tố và nguyên lý tạo hình, thể loại, thảo luận và thực hành, định hướng chủ đề. Tuy nhiên, về thể loại, chỉ nêu/viết vào bản đặc tả thể loại làm nội dung kiểm tra, tương tự, định hướng chủ đề chỉ nêu/viết vào bản đặc tả chủ đề gắn với nội dung kiểm tra.

Đối với Mức độ đánh giá: Là lựa chọn tiêu chí từ bản đặc tả (VD mục 2.2.2. hoặc điều chỉnh mức độ phù hợp với thực tiễn DH). Số lượng các tiêu chí lựa chọn, ít nhất có 3 mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng), nhưng nên có đủ 4 tiêu chí để thể hiện sự phân hóa rõ hơn trong đánh giá.

Ví dụ: Mức độ đánh giá và nội dung kiểm tra/đơn vị kiến thức cho kiểm tra, giữa kì 1, lớp 6, nội dung hội họa, lý luận và lịch sử mỹ thuật – mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mỹ thuật tạo hình	<b><i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i></b> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lý tạo hình</i>	<b>1.</b> Xác định được nội dung đề tài trên sản phẩm. <b>2.</b> Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành hội



	<p>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</p> <p><b>Thể loại</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</p> <p>– Hội hoạ</p> <p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận</b></p> <p>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.</p> <p><i>Thảo luận</i></p> <p>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</p> <p><b>Định hướng chủ đề:</b> Văn hoá xã hội</p>	<p>họa.</p> <p><b>3.</b> Vận dụng được một số yếu tố: Nét, hình, màu, đậm nhạt, không gian... vào thực hành tạo SP</p> <p><b>4.</b> Giới thiệu được sản phẩm (cá nhân/nhóm).</p> <p><b>5.</b> Liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn</p>
--	--	--

#### **Bước 4: Biên soạn đề kiểm tra (Phù hợp với nội dung và mức độ đánh giá)**

Việc biên soạn đề kiểm tra cụ thể cần dựa vào Bản đặc tả mức độ đánh giá mỗi mạch nội dung (mỹ thuật tạo hình, mỹ thuật ứng dụng) để lựa chọn nội dung kiểm tra (thể loại mỹ thuật) và biên soạn câu hỏi, yêu cầu hình thức, kích thước, chất liệu... cho đề kiểm tra.

Để phù hợp với các thành phần năng lực của môn học (*quan sát và nhận thức, sáng tạo và ứng dụng, phân tích và đánh giá*) và thống nhất với định hướng đổi mới tổ chức DH của Chương trình môn học là *lồng ghép hoạt động thảo luận nghệ thuật với thực hành nghệ thuật*, nội dung đề kiểm tra cần có 2 câu hỏi, trong đó:

- *Câu hỏi dạng thực hành:* Dựa vào nội dung dạy học và yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình. Nội dung câu hỏi/kiểm tra nên kiểm tra một chuẩn hoặc một đơn vị kiến thức, kĩ năng/một vấn đề theo yêu cầu cần đạt trong chương trình; đồng thời cần thiết kế câu hỏi theo hướng mở về nội dung chủ đề, hình thức thể hiện, chất liệu/vật liệu... thực hành.

- *Câu hỏi dạng tự luận:* Là cách lồng ghép nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật (thảo luận/phân tích, đánh giá thẩm mỹ) ở mức độ đơn giản. Câu hỏi nội dung tự luận cần yêu cầu về độ dài phù hợp nội dung, yêu cầu thực hành, khả năng trình bày/viết/chia sẻ/giới thiệu của HS (ví dụ khoảng bao nhiêu từ) và thời lượng dành cho kiểm tra. Yêu cầu nội dung viết tự luận cần có gợi ý như: giới thiệu tên sản phẩm, chất liệu/vật liệu thực hành, ý tưởng sáng tạo, sử dụng yếu tố, nguyên lí tạo hình, vận dụng giá trị thẩm mỹ từ di sản văn hóa nghệ thuật, liên hệ sản phẩm vào đời sống...); đồng thời nên gợi ý theo hướng mở, để tạo điều kiện cho học sinh được trình bày/giới thiệu/chia sẻ theo cảm nhận, quan điểm... cá nhân; cũng như có thể khuyến khích học sinh ý tưởng sáng tạo thông qua sản phẩm.

*Lưu ý:* Xem đề minh họa ở Phần III trong cuốn sách này.

## **Bước 5. Xây dựng tiêu chí đánh giá nội dung KT và hướng dẫn xếp loại**

*Chọn một trong hai cách dưới đây:*

### **Cách 1: Xây dựng tiêu chí đánh giá nội dung KT và hướng dẫn xếp loại theo mức độ đánh giá**

Dựa vào bảng tiêu chí đánh giá và nội dung đề cụ thể, với mỗi tiêu chí, cần nêu rõ hơn nội dung cần đánh giá gắn với nội dung kiểm tra và mức độ đánh giá.

*VD: Tiêu chí đánh giá và xếp loại nội dung kiểm tra giữa kì 1, lớp 6 (Nội dung Hội họa, Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Mỹ thuật tạo hình) gắn với đề kiểm tra: Tạo sản phẩm tranh đề tài Ngày hội quê hương:*

<b>Phiếu ĐG nội dung KT và hướng dẫn xếp loại theo mức độ ĐG</b>
<ol style="list-style-type: none"><li>1. Xác định được nội dung đề tài <b>Ngày hội quê hương trên SP</b></li><li>2. Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành <b>thể hiện (vẽ/xé, dán/kết hợp vẽ, xé, in...)</b> trên sản phẩm đề tài <b>Ngày hội quê hương</b>.</li><li>3. Thể hiện được việc sắp xếp một số yếu tố tạo hình: nét, hình, màu sắc, đậm nhạt, không gian... trên sản phẩm <b>đề tài ngày hội quê hương</b>.</li><li>4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm đề tài <b>Ngày hội quê hương</b> (của cá nhân/nhóm).</li><li>5. Liên hệ ứng dụng sản phẩm đề tài <b>Ngày hội quê hương</b> vào đời sống thực tiễn và chia sẻ trách nhiệm của HS trong việc góp phần giữ gìn, phát huy nét đẹp văn truyền thống quê hương, đất nước.</li></ol>
<p><b>Xếp loại: Mức Chưa đạt:</b> Học sinh chỉ đạt được 1 tiêu chí (tiêu chí 1) hoặc 2 tiêu chí (1 và 2) trong 5 tiêu chí ở trên.</p> <p><b>Mức Đạt:</b> Học sinh đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3); 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc cả 5 tiêu chí.</p>

*Lưu ý:* Việc mô tả cụ thể các tiêu chí cần linh hoạt để phù hợp với thực tế dạy học và khả năng thực hiện của HS, nhưng phải phù hợp với yêu cầu cần đạt trong chương trình/mức độ đánh giá.

### **b) Xây dựng phiếu đánh giá, xếp loại nội dung kiểm tra theo mức độ đánh giá cụ thể với mỗi phần năng lực của môn học (có thể gọi là cách 2).**

Dựa vào nội dung đề kiểm tra, tiêu chí đánh giá để nêu yêu cầu đánh giá được mô tả chi tiết cho mỗi mức độ đánh giá và tương ứng với từng thành phần năng lực của môn học (xem Hướng dẫn đánh giá một số đề cụ thể ở phần III). Ví dụ khung dưới đây:

*Lưu ý: Thông số % trong các cột dưới đây chỉ nhằm quy ước một cách tương đối cho mức độ đạt được của các mức độ đánh giá và thành phần năng lực của môn học; cũng như làm rõ hơn trọng số đánh ở ở mỗi mức độ và thành phần năng lực.*

(Xem phiếu đánh giá, xếp loại đề cụ thể ở phần III, của cuốn sách)

**Phiếu ĐG nội dung KT và hướng dẫn xếp loại theo mức độ ĐG**

<b>Năng lực mĩ thuật</b>	<b>Nhận biết (20%)</b>	<b>Thông hiểu (25%)</b>	<b>Vận dụng (40%)</b>	<b>Vận dụng cao (15%)</b>	<b>Tổng</b>
<b>Quan sát và nhận thức</b>	...	...	...	...	
	(5%)	(5%)	(5%)	(5%)	(20%)
<b>Sáng tạo và ứng dụng</b>	...	...	...	...	
	(10%)	(15%)	(30%)	(5%)	(60%)
<b>Phân tích và đánh giá</b>	...	...	...	...	
	(5%)	(5%)	(5%)	(5%)	(20%)
<b>Tổng</b>	<b>(20%)</b>	<b>(25%)</b>	<b>(40%)</b>	<b>(15%)</b>	<b>(100%)</b>
<b>XẾP LOẠI</b>	<b>Mức Chưa đạt:</b> Tổng các mức độ đánh giá < 50%				
	<b>Mức Đạt:</b> Tổng các mức độ đánh giá ≥ 50%				

Theo bảng trên, tổng mức độ đánh giá quy đổi theo % như sau:

- Nhận biết: 20%
- Thông hiểu: 25%
- Vận dụng: 40%
- Vận dụng cao: 15%

Đồng thời, tổng mức độ đánh giá các thành phần năng lực quy đổi theo % như sau:

- Quan sát và nhận thức: 20%
- Sáng tạo và ứng dụng: 60%
- Phân tích và đánh giá: 20%

*b) Hướng dẫn đánh giá, xếp loại*

Dựa trên bảng hướng dẫn đánh giá/chấm kết quả bài kiểm tra, các mức độ “Đạt” và “Chưa đạt” được xác định như sau:

- Mức Đạt: HS có tổng các mức độ đánh giá ≥ 50%
- Mức Chưa đạt: HS có tổng các mức độ đánh giá < 50%

Như vậy, mức đánh giá “Đạt” là tương đương với việc HS đạt kết quả kiểm tra (tổng các mức độ đánh giá) tối thiểu là 50% của các tiêu chí đánh giá được cụ thể theo các thành phần năng lực của môn học và các mức độ đánh giá trong Bản đặc tả mức độ đánh giá nội dung kiểm tra. Mức đánh giá “Chưa đạt” là tương đương với việc HS đạt kết quả kiểm tra

(tổng các mức độ đánh giá) là thấp hơn 50% của các tiêu chí đánh giá được cụ thể theo các thành phần năng lực của môn học và các mức độ đánh giá trong Bản đặc tả mức độ đánh giá nội dung kiểm tra.

#### **Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra và hướng dẫn đánh giá**

Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra cần xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra, gồm các bước sau:

- Đối chiếu từng câu hỏi trong đề, xem xét câu hỏi có phù hợp với yêu cầu cần đánh giá không? Có phù hợp với cấp độ nhận thức cần đánh giá, khả năng thực hiện của học sinh và tại thời điểm đánh giá, thời gian kiểm tra...

- Đối chiếu bản đặc tả mức độ đánh giá (mỗi mạch nội dung theo khối lớp), bản đặc tả nội dung kiểm tra, hướng dẫn đánh giá với nhau để phát hiện những sai sót hoặc thiếu chính xác, chưa phù hợp giữa các mức độ đánh giá với hướng dẫn đánh giá, xếp loại của nội dung đề kiểm tra. Sửa các từ ngữ, nội dung nếu thấy cần thiết để đảm bảo tính khoa học và chính xác.

- Hoàn thiện đề, hướng dẫn đánh giá, xếp loại.

**Phần III**  
**MỘT SỐ BẢN ĐẠC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**  
**VÀ TIÊU CHÍ, HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

**A. NỘI DUNG ÂM NHẠC**

**1. Tiêu chí đánh giá định kì**

**Lớp 6 (Giữa học kì I)**

<b>TT</b>	<b>Mạch nội dung</b>	<b>Đơn vị kiến thức</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>
1	<b>Hát</b>	Bài hát tuổi học sinh (11 – 12 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hát đúng giai điệu và lời ca</li> <li>2. Hát có biểu cảm</li> <li>3. Biết hát kết hợp với gõ đệm (theo phách, theo nhịp...)</li> </ol>
2	<b>Đọc nhạc</b>	Giọng Đô trưởng. Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phạt: phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đọc đúng tên nốt nhạc</li> <li>2. Đọc đúng cao độ và trường độ</li> <li>3. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm (theo phách, theo nhịp...)</li> </ol>
3	<b>Nhạc cụ</b>	Một số bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng.	<p><b>I. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.</li> <li>2. Thể hiện đúng bài tập tiết tấu bằng nhạc cụ gõ hoặc động tác vận động cơ thể.</li> <li>3. Biết sử dụng nhạc cụ để đệm cho bài hát hoặc hoà tấu.</li> </ol> <p><b>II. Nhạc cụ thể hiện giai điệu:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.</li> </ol>

			<p>2. Thể hiện đúng ca độ bài thực hành nhạc cụ.</p> <p>3. Thể hiện đúng trường độ bài thực hành nhạc cụ.</p>
--	--	--	---

### Lớp 6 (Cuối học kì I)

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Tiêu chí đánh giá
1	<b>Hát</b>	Bài hát tuổi học sinh (11 – 12 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hát đúng giai điệu và lời ca</li> <li>Hát đúng sắc thái, tính chất âm nhạc của bài hát</li> <li>Biết hát kết hợp với gõ đệm (theo phách, theo nhịp...) hoặc vận động hoặc đánh nhịp.</li> <li>Biết thể hiện bài hát với các hình thức song ca, tốp ca...hoặc hát 2 bè đơn giản.</li> </ol>
2	<b>Đọc nhạc</b>	Giọng Đô trưởng. Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phát: phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đọc đúng tên nốt nhạc</li> <li>Đọc đúng ca độ và trường độ</li> <li>Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm (theo phách, theo nhịp...)</li> <li>Biết thể hiện sắc thái hoặc đọc bè đơn giản trong bài đọc nhạc.</li> </ol>
3	<b>Nhạc cụ</b>	Một số bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng.	<p><b>I. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.</li> <li>Thể hiện đúng bài tập tiết tấu bằng nhạc cụ gõ hoặc động tác vận động cơ thể.</li> <li>Thể hiện đúng sắc thái của bài tập tiết tấu.</li> <li>Biết sử dụng nhạc cụ để đệm</li> </ol>

			cho bài hát hoặc hoà tấu. <b>II. Nhạc cụ thể hiện giai điệu:</b> 1. Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế. 2. Thể hiện đúng cao độ bài thực hành nhạc cụ. 3. Thể hiện đúng trường độ bài thực hành nhạc cụ. 4. Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà.
--	--	--	---

### Lớp 6 (Giữa học kì II)

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Tiêu chí đánh giá
1	<b>Hát</b>	Bài hát tuổi học sinh (11 – 12 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 bè đơn giản.	1. Hát đúng giai điệu và lời ca 2. Biết hát kết hợp với gõ đệm (theo phách, theo nhịp...) 3. Hát đúng sắc thái, tính chất âm nhạc của bài hát
2	<b>Đọc nhạc</b>	Giọng Đô trưởng. Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phạt: phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, và các dấu lặng. Một số bài có 2 bè đơn giản.	1. Đọc đúng tên nốt nhạc 2. Đọc đúng cao độ và trường độ 3. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm (theo phách, theo nhịp...)
3	<b>Nhạc cụ</b>	Một số bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi,	<b>I. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu:</b> 1. Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế. 2. Thể hiện đúng bài tập tiết tấu bằng nhạc cụ gõ hoặc động tác

		móc đơn, và các dấu lặng.	<p>vận động cơ thể.</p> <p>3. Biết sử dụng nhạc cụ để đệm cho bài hát hoặc hoà tấu.</p> <p><b>II. Nhạc cụ thể hiện giai điệu:</b></p> <p>1. Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.</p> <p>2. Thể hiện đúng ca độ bài thực hành nhạc cụ.</p> <p>3. Thể hiện đúng trường độ bài thực hành nhạc cụ.</p>
--	--	---------------------------	--

### Lớp 6 (Cuối học kì II)

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Tiêu chí đánh giá
1	<b>Hát</b>	Bài hát tuổi học sinh (11 – 12 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<p>1. Hát đúng giai điệu và lời ca</p> <p>2. Hát đúng sắc thái, tính chất âm nhạc của bài hát</p> <p>3. Biết hát kết hợp với gõ đệm (theo phách, theo nhịp...) hoặc vận động hoặc đánh nhịp.</p> <p>4. Biết thể hiện bài hát với các hình thức song ca, tốp ca...hoặc hát 2 bè đơn giản.</p>
2	<b>Đọc nhạc</b>	Giọng Đô trưởng. Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phạt: phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm đôi, đen, đen có chấm đôi, móc đơn, và các dấu lặng. Một số bài có 2 bè đơn giản.	<p>1. Đọc đúng tên nốt nhạc</p> <p>2. Đọc đúng ca độ và trường độ</p> <p>3. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm (theo phách, theo nhịp...)</p> <p>4. Biết thể hiện sắc thái hoặc đọc bè đơn giản trong bài đọc nhạc.</p>
3	<b>Nhạc cụ</b>	Một số bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ:	<p><b>I. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu:</b></p> <p>1. Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.</p> <p>2. Thể hiện đúng bài tập tiết tấu</p>



		tròn, trắng, trắng có chấm đôi, đen, đen có chấm đôi, móc đơn, và các dấu lặng.	<p>bằng nhạc cụ gõ hoặc động tác vận động cơ thể.</p> <p>3. Biết sử dụng nhạc cụ để đệm cho bài hát hoặc hoà tấu.</p> <p>4. Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc</p> <p><b>II. Nhạc cụ thể hiện giai điệu:</b></p> <p>1. Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.</p> <p>2. Thể hiện đúng cao độ bài thực hành nhạc cụ.</p> <p>3. Thể hiện đúng trường độ bài thực hành nhạc cụ.</p> <p>4. Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.</p>
--	--	---	--

## 2. Minh họa một số đề kiểm tra định kì nội dung Âm nhạc

### Lớp 6 (Giữa học kì I)

Học sinh chọn 1 trong 3 mạch nội dung sau để kiểm tra, đánh giá.

TT	Mạch nội dung	Đề kiểm tra	Hướng dẫn đánh giá
1	<b>Hát</b>	Học sinh (HS) tự chọn và trình bày một bài hát đã học (theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca).	<p><b>Đạt:</b> HS đạt 1 trong 3 tiêu chí ở bảng tiêu chí đánh giá</p> <p><b>Chưa đạt:</b> HS không đạt tiêu chí nào trong bảng tiêu chí đánh giá.</p>
2	<b>Đọc nhạc</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài đọc nhạc đã học (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	<p><b>Đạt:</b> HS đạt 1 trong 3 tiêu chí ở bảng tiêu chí đánh giá</p> <p><b>Chưa đạt:</b> HS không đạt tiêu chí nào trong bảng tiêu chí đánh giá.</p>
3	<b>Nhạc cụ</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài tập bài tập tiết tấu, giai điệu	<p><b>1. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu</b></p> <p><b>Đạt:</b> HS đạt 1 trong 3 tiêu chí ở</p>

		hoặc hoà âm đã học (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	bảng tiêu chí đánh giá <b>Chưa đạt:</b> HS không đạt tiêu chí nào trong bảng tiêu chí đánh giá. <b>2. Nhạc cụ thể hiện giai điệu</b> <b>Đạt:</b> HS đạt 1 trong 3 tiêu chí ở bảng tiêu chí đánh giá <b>Chưa đạt:</b> HS không đạt tiêu chí nào trong bảng tiêu chí đánh giá.
--	--	---	--

### Lớp 6 (Cuối học kì I)

Học sinh chọn 1 trong 3 mạch nội dung sau để kiểm tra, đánh giá.

TT	Mạch nội dung	Đề kiểm tra	Hướng dẫn đánh giá
1	<b>Hát</b>	Học sinh (HS) tự chọn và trình bày một bài hát đã học (theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca).	<b>Đạt:</b> HS đạt 2 trong 4 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS đạt dưới 2 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá.
2	<b>Đọc nhạc</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài đọc nhạc đã học (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	<b>Đạt:</b> HS đạt 2 trong 4 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS đạt dưới 2 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá.
3	<b>Nhạc cụ</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài tập bài tập tiết tấu, giai điệu hoặc hoà âm đã học (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	<b>1. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu</b> <b>Đạt:</b> HS đạt 2 trong 4 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS đạt dưới 2 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá. <b>2. Nhạc cụ thể hiện giai điệu</b> <b>Đạt:</b> HS đạt 2 trong 4 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS đạt dưới 2 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá.

### Lớp 6 (Giữa học kì II)

Học sinh chọn 1 trong 3 mạch nội dung sau để kiểm tra, đánh giá.

TT	Mạch nội dung	Đề kiểm tra	Hướng dẫn đánh giá
1	<b>Hát</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài hát đã học (theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca).	<b>Đạt:</b> HS đạt 1 trong 3 tiêu chí ở bảng tiêu chí đánh giá <b>Chưa đạt:</b> HS không đạt tiêu chí nào trong bảng tiêu chí đánh giá.
2	<b>Đọc nhạc</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài đọc nhạc đã học (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	<b>Đạt:</b> HS đạt 1 trong 3 tiêu chí ở bảng tiêu chí đánh giá <b>Chưa đạt:</b> HS không đạt tiêu chí nào trong bảng tiêu chí đánh giá.
3	<b>Nhạc cụ</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài tập tiết tấu, giai điệu hoặc hoà âm đã học (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	<b>1. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu</b> <b>Đạt:</b> HS đạt 1 trong 3 tiêu chí ở bảng tiêu chí đánh giá <b>Chưa đạt:</b> HS không đạt tiêu chí nào trong bảng tiêu chí đánh giá. <b>2. Nhạc cụ thể hiện giai điệu</b> <b>Đạt:</b> HS đạt 1 trong 3 tiêu chí ở bảng tiêu chí đánh giá <b>Chưa đạt:</b> HS không đạt tiêu chí nào trong bảng tiêu chí đánh giá.

### Lớp 6 (Cuối học kì II)

Học sinh chọn 1 trong 3 mạch nội dung sau để kiểm tra, đánh giá.

TT	Mạch nội dung	Đề kiểm tra	Hướng dẫn đánh giá
1	<b>Hát</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài hát đã học (theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca).	<b>Đạt:</b> HS đạt 2 trong 4 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS đạt dưới 2 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá.
2	<b>Đọc nhạc</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài đọc nhạc đã học (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	<b>Đạt:</b> HS đạt 2 trong 4 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá. <b>Chưa đạt:</b> HS đạt dưới 2 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá.
3	<b>Nhạc cụ</b>	Học sinh tự chọn và trình bày một bài tập tiết tấu,	<b>1. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu</b> <b>Đạt:</b> HS đạt 2 trong 4 tiêu chí

		giai điệu hoặc hoà âm đã học (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	<p>trong bảng Tiêu chí đánh giá.</p> <p><b>Chưa đạt:</b> HS đạt dưới 2 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá.</p> <p><b>2. Nhạc cụ thể hiện giai điệu</b></p> <p><b>Đạt:</b> HS đạt 2 trong 4 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá.</p> <p><b>Chưa đạt:</b> HS đạt dưới 2 tiêu chí trong bảng Tiêu chí đánh giá.</p>
--	--	---	---

## B. NỘI DUNG MĨ THUẬT

### 1. Ví dụ đặc tả mức độ đánh giá nội dung kiểm tra định kì và xếp loại đánh giá cuối kì 1, lớp 6

#### 1.1. Đặc tả đơn vị kiến thức, mức độ đánh giá nội dung kiểm tra cuối kì 1, lớp 6

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật tạo hình	<p><b>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><b>Yếu tố tạo hình</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</li></ul> <p><b>Nguyên lí tạo hình</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li></ul> <p><b>Thể loại</b>, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li><li>– Hội hoạ</li></ul> <p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.</li><li>– Sản phẩm thực hành của HS</li></ul> <p><b>Định hướng chủ đề</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Văn hoá xã hội</li></ul>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Xác định được nội dung chủ đề</li></ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Biết cách sử dụng số chất liệu/vật liệu trong thực hành sáng tạo.</li></ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Vận dụng được nguyên lí cân bằng và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo.</li><li>– Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm.</li></ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế đời sống.</li></ul>

#### 1.2. Ví dụ đề kiểm tra cuối kì 1, lớp 6 (nội dung Hội họa và Lí luận, lịch sử mỹ thuật)

### ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

**Môn: Mỹ thuật lớp 6**

(Thời gian 45 phút)

#### a). Nội dung đề:

**Câu 1:** Em hãy tạo sản phẩm tranh đề tài: Ngày hội quê hương

**Câu 2:** Viết một số thông tin giới thiệu về sản phẩm (tên sản phẩm, chất liệu, cách tạo sản phẩm; yếu tố và nguyên lí tạo hình được thể hiện trên sản phẩm...)

#### b). Yêu cầu:

- Hình thức tạo hình: 2D (có thể kết hợp vẽ với in hoặc xé dán)
- Chất liệu: Tự chọn
- Kích thước: 20 – 30 cm (tương đương khổ giấy A4)

### 2.3. Hướng dẫn đánh giá nội dung nội kiểm tra và xếp loại:

Chọn một trong hai cách hướng dẫn đánh giá, xếp loại dưới đây:

#### **Cách 1: Hướng dẫn đánh giá nội dung KT theo tiêu chí mức độ đánh giá**

<b>Phiếu ĐG nội dung KT và hướng dẫn xếp loại theo mức độ ĐG</b>
<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thể hiện được nội dung đề tài Ngày hội quê hương trên SP</li> <li>2. Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành thể hiện (vẽ/xé, dán/kết hợp vẽ, xé, in... ) trên sản phẩm đề tài Ngày hội quê hương.</li> <li>3. Thể hiện được việc sắp xếp một số yếu tố tạo hình; nét, hình, màu sắc, đậm nhạt... trên SP đề tài ngày hội quê hương.</li> <li>4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm đề tài Ngày hội quê hương (của cá nhân/nhóm).</li> <li>5. Liên hệ ứng dụng sản phẩm đề tài Ngày hội quê hương vào đời sống thực tiễn và chia sẻ trách nhiệm của HS trong việc góp phần giữ gìn, phát huy nét đẹp văn truyền thống quê hương, đất nước.</li> </ol>
<p><b>Xếp loại:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa đạt: HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả 2 tiêu chí 1 và 2 trong 5 tiêu chí.</li> <li>- Đạt: HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3); 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc cả 5 tiêu chí.</li> </ul>

**Cách 2: Hướng dẫn đánh giá nội dung KT theo tiêu chí mức độ đánh giá cụ thể với mỗi phần năng lực của môn học.**

#### **Phiếu đánh giá nội dung kiểm tra và hướng dẫn xếp loại theo mức độ đánh giá:**

<b>Năng lực mĩ thuật</b>	<b>Nhận biết (20%)</b>	<b>Thông hiểu (25%)</b>	<b>Vận dụng (40%)</b>	<b>Vận dụng cao (15%)</b>
<b>Quan sát và nhận thức</b>	Thể hiện được hiểu biết về đề tài Ngày hội quê hương thông qua sản phẩm.	Thể hiện sự hiểu biết về nội dung, đặc điểm đề tài ngày hội quê hương và cách thực hành tạo sản phẩm.	Thể hiện việc sử dụng một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trên sản phẩm tranh đề tài Ngày hội quê hương.	Thể hiện việc lựa chọn, sắp xếp các yếu tố, nguyên lí tạo hình tạo sự hài hòa trên sản phẩm tranh đề tài: Ngày hội quê hương
	(5%)	(5%)	(5%)	(5%)

Năng lực mĩ thuật	Nhận biết (20%)	Thông hiểu (25%)	Vận dụng (40%)	Vận dụng cao (15%)
Sáng tạo và ứng dụng	Lựa chọn được hình ảnh phù hợp với nội dung đề tài trên sản phẩm đề tài Ngày hội quê hương.	Lựa chọn chất liệu/vật liệu phù hợp với, hình thức thực hành trên sản phẩm: Ngày hội quê hương	Tạo được sản phẩm tranh đề tài Ngày hội quê hương, có sử dụng yếu tố và nguyên lí tạo hình trên sản phẩm.	Tạo được sản phẩm tranh đề tài Ngày hội quê hương, thể hiện đặc trưng văn hóa vùng miền trên sản phẩm.
	(10%)	(15%)	(30%)	(15%)
Phân tích và đánh giá	Thể hiện sự hiểu biết về yêu cầu giới thiệu sản phẩm tranh: Ngày hội quê hương.	Thể hiện được một số thông tin giới thiệu sản phẩm: Ngày hội quê hương	Viết/chia sẻ được một số thông tin giới thiệu sản phẩm: Ngày hội quê hương theo yêu cầu của đề kiểm tra.	Viết/chia sẻ được thông tin thể hiện trách nhiệm của học sinh với việc giữ gìn, phát huy lễ hội truyền thống ở quê hương.
	(5%)	(5%)	(5%)	(5%)
<b>XẾP LOẠI</b>	<b>Mức Chưa đạt:</b> Tổng các mức độ đánh giá < 50%			
	<b>Mức Đạt:</b> Tổng các mức độ đánh giá ≥ 50%			

Lưu ý: Thông số % trong các cột ở trên chỉ nhằm quy ước một cách tương đối cho mức độ đạt được của các mức độ đánh giá và thành phần năng lực của môn học; cũng như làm rõ hơn trọng mỗi mức độ và thành phần năng lực.

## 2. Ví dụ đặc tả mức độ đánh giá nội dung kiểm tra định kì và xếp loại cuối kì 1, lớp 9

### 2.1. Đặc tả đơn vị kiến thức, mức độ đánh giá kiểm tra cuối kì 1, lớp 9

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật ứng dụng	<b><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></b> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Châm, nét, hình, khối, màu sắc,	<b>Nhận biết:</b> – Nêu được ý tưởng thiết kế sản phẩm. <b>Thông hiểu:</b>

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
	<p>đậm nhạt, chất cảm, không gian.</p> <p><i>Nguyên lí tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li> </ul> <p><b><i>Thể loại, kết hợp:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Thiết kế đồ họa</li> </ul> <p><b><i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D, 3D.</li> <li>– Sản phẩm thực hành của học sinh.</li> </ul> <p><b><i>Định hướng chủ đề, kết hợp:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Văn hoá, xã hội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân loại được sản phẩm thiết kế đồ họa.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được nguyên lí của sự sắp xếp (hay còn gọi là bố cục) trong thiết kế sản phẩm.</li> <li>– Sử dụng được thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền thông sản phẩm, tác phẩm</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận định, phân tích được sự hài hòa giữa sản phẩm và môi trường xung quanh.</li> </ul>

2.2. Ví dụ đề kiểm tra cuối kì 1, lớp 9 (Nội dung Thiết kế đồ họa và Lí luận, lịch sử mỹ thuật)

### ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

**Môn: Mĩ thuật lớp 9**

(Thời gian 45 phút)

**a). Nội dung đề:**

**Câu 1:** Thiết kế một sản phẩm làm biểu trưng cho lớp (hoặc trường) của em.

**Câu 2:** Viết một số thông tin giới thiệu về sản phẩm (Đặt tên sản phẩm, chất liệu/vật liệu, ý tưởng thiết kế...).

**b). Yêu cầu:**

- Hình thức tạo hình: 2D hoặc 3D (có thể kết hợp vẽ in, cắt, xé, dán...).
- Chất liệu/vật liệu: Tự chọn (họa phẩm, giấy...).
- Kích thước: Tùy thích.

**2.3. Hướng dẫn đánh giá nội dung nội kiểm tra và xếp loại:**

Chọn một trong hai cách hướng dẫn đánh giá, xếp loại dưới đây:

**a) Hướng dẫn đánh giá theo đặc tả mức độ đánh giá**



<b>Phiếu đánh giá nội dung kiểm tra và hướng dẫn xếp loại theo mức độ đánh giá</b>	
1. Giới thiệu được cách/ý tưởng thiết kế sản phẩm biểu trưng trường/lớp. 2. Phân biệt được sản phẩm thiết kế biểu trưng với logo, sản phẩm xuất bản phẩm... trong thiết kế đồ họa. 3. Vận dụng được một số nguyên lí như: cân bằng, tương phản, điểm nhấn... và sắp xếp bố cục trên thiết kế biểu trưng trường/lớp. 4. Sử dụng được thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền thông sản phẩm thiết kế biểu trưng trường/lớp 5. Nhận định, phân tích được sự phù hợp của sản phẩm với mục đích sử dụng và môi trường xung quanh.	
<b>Xếp loại:</b>	
- <b>Chưa đạt:</b> Học sinh chỉ đạt được tiêu chí tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả 2 tiêu chí 1 và 2 trong 5 tiêu chí.	
- <b>Đạt:</b> Học sinh đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3), 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc cả 5 tiêu chí.	

**Cách 2: Đánh giá nội dung KT, xếp loại theo mức độ đánh giá và cụ thể với mỗi phân năng lực của môn học.**

**Phiếu đánh giá nội dung kiểm tra và hướng dẫn xếp loại theo mức độ đánh giá**

<b>Năng lực mĩ thuật</b>	<b>Nhận biết (20%)</b>	<b>Thông hiểu (25%)</b>	<b>Vận dụng (40%)</b>	<b>Vận dụng cao (15%)</b>
<b>Quan sát và nhận thức</b>	Thể hiện được hiểu biết về biểu trưng	Thể hiện sự hiểu biết về đặc điểm, mục đích của biểu trưng lớp/trường	Thể hiện việc sử dụng yếu tố, nguyên lí tạo hình trên sản phẩm biểu trưng lớp/trường	Thể hiện việc lựa chọn, sắp xếp bố cục (yếu tố, nguyên lí tạo hình) tạo sự hài hòa trên sản phẩm.
	(5%)	(5%)	(5%)	(5%)
<b>Sáng tạo và ứng dụng</b>	Lựa chọn được hình dạng phù hợp với biểu trưng lớp/trường	Lựa chọn được chất liệu/vật liệu, hình thức thực hành tạo sản phẩm biểu trưng lớp/trường.	Tạo được sản phẩm biểu trưng, có sử dụng yếu tố và nguyên lí tạo hình trên sản phẩm.	Tạo được sản phẩm, thể hiện hình ảnh đặc trưng làm thông điệp cho biểu trưng lớp/trường
	(10%)	(15%)	(30%)	(15%)

Năng lực mĩ thuật	Nhận biết (20%)	Thông hiểu (25%)	Vận dụng (40%)	Vận dụng cao (15%)
<b>Phân tích và đánh giá</b>	Thể hiện được hiểu biết về yêu cầu giới thiệu sản phẩm biểu trưng	Thể hiện được một số thông tin giới thiệu về sản phẩm biểu trưng	Viết/chia sẻ được thông tin giới thiệu SP biểu trưng theo yêu cầu của đề kiểm tra.	Chia sẻ được thông tin thể hiện sự phù hợp của biểu trưng với đối tượng sử dụng
	(5%)	(5%)	(5%)	(5%)
<b>XẾP LOẠI</b>	<b>Mức Chưa đạt:</b> Tổng các mức độ đánh giá < (50%)			
	<b>Mức đạt: Tổng các mức độ đánh giá <math>\geq</math> 50%</b>			

*Lưu ý: Thông số % trong các cột ở trên chỉ nhằm quy ước một cách tương đối cho mức độ đạt được của các mức độ đánh giá và thành phần năng lực của môn học; cũng như làm rõ hơn trong mỗi mức độ và thành phần năng lực.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục Phổ thông, Chương trình tổng thể 2018* (ban hành theo TT32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).
2. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc 2018* (ban hành theo TT32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).
3. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật 2018* (ban hành theo TT32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

4. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2010), *Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra*, Công văn 8773/BGDĐT-GDTrH, ngày 30 tháng 12 năm 2010.
5. Bộ Giáo dục & Đào tạo, Vụ Giáo dục trung học (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học*, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2020), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán môn Mỹ thuật về Kiểm tra, đánh giá học sinh THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực trong dạy học Mỹ thuật*.
7. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), *Quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT* (Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT).
8. Nguyễn Thị Đông (Chủ biên), Vương Trọng Đức, Nguyễn Minh Quang (2019), *Tìm hiểu chương trình môn Mỹ thuật trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, Dự án Rgep, BGD&ĐT.
9. Phạm Văn Tuyên, Nguyễn Minh Quang (Chủ biên), Nguyễn Thị Đông, Nguyễn Thị Hồng Thắm (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Nghệ thuật Trung học cơ sở theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới - Phần Mỹ thuật*, Nxb Đại học sư phạm.
10. Lê Anh Tuấn (Chủ biên), Đỗ Thanh Hiên, Hồ Ngọc Khải (2019), *Tìm hiểu chương trình môn Âm nhạc trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, Dự án Rgep, BGD&ĐT.
11. Lê Anh Tuấn (chủ biên, 2019), *Hướng dẫn dạy học môn Nghệ thuật trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông mới- Phần Âm nhạc*, Nxb Đại học sư phạm.